

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀ NẴNG
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH GIÁO DỤC HỌC - GIÁO DỤC TIỂU HỌC

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ
MÃ NGÀNH 8140101

ĐÀ NẴNG - 2022

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT CHƯƠNG

TRÌNH ĐÀO TẠO 1

- 1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng 1
- 1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học 2
- 1.3. Sự cần thiết phải đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ
thạc sĩ của chuyên ngành Giáo dục học - Giáo dục tiểu học 3

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 5

- 2.1. Giới thiệu chương trình đào tạo 5
- 2.2. Thông tin chung 6
- 2.3. Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học Trường ĐH Sư phạm -
Đại học Đà Nẵng 7
- 2.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa giáo dục Tiểu học - Trường Đại học
Sư phạm Đà Nẵng 8
- 2.5. Danh mục các ngành đào tạo đại học phù hợp 8
- 2.6. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) 11
- 2.7. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)..... 11
- 2.8. Cơ hội việc làm, nghiên cứu khoa học và học tập sau này 15
- 2.9. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp 15
- 2.10. Chiến lược giảng dạy - học tập 17
- 2.11. Chiến lược và phương pháp đánh giá 21
- 2.12. Dự kiến quy mô tuyển sinh 40

III. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY 40

- 3.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy 40
- 3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức 41
- 3.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu
ra của chương trình đào..... 45
- 3.4. Kế hoạch đào tạo 57
- 3.5. Sơ đồ chương trình giảng dạy 61
- 3.6. Mô tả các học phần 63
- 3.7. Đề cương chi tiết các học phần 77
 - 1. Triết học 77

2. Lí luận dạy học và giáo dục hiện đại	98
3. Quản lí giáo dục trong nhà trường	111
4. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	120
5. Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	128
6. Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá.....	144
7. Lịch sử các tư tưởng giáo dục	154
9. Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	171
10. Tư vấn và hỗ trợ người học.....	182
11. Phát triển môi trường giáo dục.....	190
12. Luận văn tốt nghiệp.....	200
1. Thực tập.....	207
2. Đồ án tốt nghiệp	215

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng nghiên cứu.....	5
Bảng 2. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng ứng dụng	6
Bảng 3. Thông tin chung về chương trình đào tạo	6
Bảng 4. Bảng quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng nghiên cứu	8
Bảng 5. Bảng quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng ứng dụng	9
Bảng 6. Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm ngành gần sau 5 năm tốt nghiệp.....	9
Bảng 7. Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc ngành khác	10
Bảng 8. Quy định học bổ sung đối với định hướng ứng dụng	10
Bảng 9. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	13
Bảng 10. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	14
(định hướng ứng dụng).....	14
Bảng 11. Quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác	16
đối với định hướng nghiên cứu	16
Bảng 12. Quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng ứng dụng	16
Bảng 13. Chiến lược dạy học – Phương pháp dạy học và đánh giá	18
Bảng 14. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT.....	20
Bảng 15. Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN	22
Bảng 16. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng nghiên cứu.....	40
Bảng 17. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng ứng dụng	40
Bảng 18. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT	45
Bảng 19. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT	50

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm (<http://www.ued.udn.vn/>) là 1 trong 11 thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04-04-1994 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Sư phạm có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp; đào tạo cử nhân khoa học; đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tính đến tháng 10 năm 2021, Trường Đại học Sư phạm có 13 khoa, bao gồm: 1. Khoa toán; 2. Khoa Tin học; 3. Khoa Vật lý; 4. Khoa hóa; 5. Khoa Sinh - Môi trường; 6. Khoa Ngữ Văn; 7. Khoa Lịch sử; 8. Khoa Địa lý; 9. Khoa Tâm lý - Giáo dục; 10. Khoa Giáo dục Chính trị; 11. Khoa Giáo dục Tiểu học; 12. Khoa Giáo dục Mầm non; 13. Khoa Giáo dục Nghệ thuật.

Hiện nay, không tính đội ngũ giảng viên của các cơ sở giáo dục thành viên Đại học Đà Nẵng tham gia giảng dạy tại trường, đội ngũ cán bộ viên chức cơ hữu của Trường gồm 352 người, trong đó: giảng viên chiếm 244 người. Với cơ cấu như sau: 14 Phó Giáo sư, 130 Tiến sĩ, 149 Thạc sĩ. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường cũng đa dạng hóa và mở rộng loại hình đào tạo. Bên cạnh đào tạo Đại học bậc chính quy với 33 ngành, Nhà trường cũng mở rộng đào tạo sau đại học với tổng cộng 16 ngành Cao học và 05 ngành Nghiên cứu sinh. Đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng như đào tạo lưu học sinh nước ngoài cũng được đặc biệt quan tâm. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng có những bước tiến mới.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, Trường ĐHSP - ĐHĐN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào...Hiện tại, đang có trên 200 lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHSP - ĐHĐN.

Qua hơn 45 năm xây dựng, phát triển và hơn 20 năm là thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm đã đào tạo được hàng trăm thạc sĩ và tiến sĩ, hơn 20.000 cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học, hơn 14.000 cử nhân cao đẳng sư phạm, 17.500 trung cấp sư phạm tiểu học và mầm non. Chuẩn hoá gần 18.000 giáo viên các cấp, đào tạo gần 5.000 cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHSP - ĐHDN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. 5 Năm 2016, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, và kiểm định AUN-QA thành công đối với một CTĐT vào năm 2019.

Tầm nhìn của Trường ĐHSP - ĐHDN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo. Triết lý giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp.

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, vùng và cả nước.

1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học

Theo Nghị định 32 của chính phủ, ngày 4/4/1994, Đại học Đà Nẵng được thành lập, là Đại học vùng khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thực hiện chủ trương đó, tháng 11/1995 trường CDSP được thành lập trường Đại Sư phạm trên cơ sở trường CDSP và các khoa cơ bản Toán, Lý, Hóa của trường Đại học Bách khoa. Khoa GD Tiểu học-Mầm non là khoa trong trường Đại học Sư phạm. Năm 1997, Khoa Giáo dục Tiểu học đào tạo khóa học có trình độ Cao đẳng đầu tiên cho 2 ngành Sư phạm Tiểu học và Sư phạm Mầm non. Đến năm 2003, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non đào tạo khóa học trình độ Đại học ngành Giáo dục Tiểu học đầu tiên. Đến tháng 11/2014, theo yêu cầu mới của trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non được tách thành 2 khoa và Khoa Giáo dục Tiểu học được thành lập.

Từ 2003 đến nay, Khoa Giáo dục Tiểu học đã có 17 khóa sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tốt nghiệp ra trường và 8 khóa Cao học ngành Giáo dục học - giáo dục tiểu học. Phần lớn họ đã có được việc làm ổn định trong các cơ sở giáo dục và là những cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên cốt cán tại các trường đại học, trường phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước.

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP - ĐHĐN hiện có đội ngũ giảng viên được đào tạo từ các cơ sở giáo dục có uy tín ở trong nước và nước ngoài. Đội ngũ giảng viên hiện có đảm nhận tốt đào tạo chuyên ngành Giáo dục.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Giáo dục Tiểu học

- Tầm nhìn của Khoa Giáo dục Tiểu học: Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường ĐHSP trở thành khoa đào tạo trọng điểm về Giáo dục Tiểu học, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ khoa học giáo dục đạt chuẩn chất lượng trong khu vực.

- Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học: Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.3. Sự cần thiết phải đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của chuyên ngành Giáo dục học - Giáo dục tiểu học

1.3.1. Về lý luận

Giáo dục - đào tạo hiện nay trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và những diễn biến nhanh chóng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, đòi hỏi người giáo viên Tiểu học phải có năng lực mới, phẩm chất mới để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nhiệm vụ mới. Vì vậy đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học nói chung và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học ở trình độ cao nói riêng (đào tạo thạc sĩ) trong bối cảnh hiện nay là cấp thiết, quan trọng hơn bao giờ hết.

Định hướng năng lực trong Nghị quyết 29 của Đảng xuyên suốt hoạt động giáo dục. Người học muốn học - hành có hiệu quả, phải hình thành và phát triển năng lực. Muốn hình thành và phát triển năng lực, nhất là đạo đức và gương mẫu, năng lực tư duy, năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên là nhiệm vụ xuyên suốt của ngành giáo dục.

Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học - Giáo dục tiểu học đáp ứng đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học có trình độ chuyên môn về lý luận cũng như phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học nhằm phát huy được năng lực của học sinh từ đặc điểm các môn học.

1.3.2. Về thực tiễn

Để đáp ứng cho cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đổi mới căn bản, toàn diện trong giáo dục hiện nay thì việc cải thiện nguồn vốn con người với đầy đủ những yêu cầu về kiến thức và kỹ năng liên tục thay đổi trong môi trường lao động mới là vấn đề cấp thiết. Điều này đặt ra cho giáo dục và đào tạo sứ to lớn là chuẩn bị đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Vấn đề mà nhiều quốc gia đều nhận thấy và đặt ra đó là chuyển từ một nền giáo dục nặng về trang bị kiến thức kỹ năng cho người học sang một nền giáo dục giúp phát triển năng lực, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo cho người học, đáp ứng những yêu cầu đặt ra cho công dân trong thời đại công nghiệp lần thứ tư.

Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Quan điểm chỉ đạo đổi mới giáo dục của Nghị quyết là: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”.

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, là Thành phố nằm trong vùng động lực của sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, có nhiệm vụ đảm nhận một phần trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực, chủ yếu là đội ngũ giáo viên. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế sâu rộng hiện nay, thành phố đang cần một lượng lớn nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

Hơn nữa, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao nói chung và trình độ thạc sĩ nói riêng cho thành Phố Đà Nẵng và các địa phương lân cận ngày càng cấp thiết. Trong đó, nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ về chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) là một trong những điều kiện quan trọng để có thể thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo của thành phố Đà Nẵng.

Năm 2022, chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) theo 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHSP ngày 03/6/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng nói chung và khoa Giáo dục tiểu học nói riêng có đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu, cơ sở vật chất (thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện,...) và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu, tổ chức, quản lý để có thể xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học).

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo thạc sĩ, chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học),

- Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu phải tích lũy của CTĐT: 60

Bảng 1. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng nghiên cứu

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức chung	4	4	4	0
B	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	36	36	20	27
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	26	9	17	27
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	30	30	3	6
III	Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu	12	12	12	0
IV	Luận văn tốt nghiệp	15	15	15	0
Tổng số tín chỉ của CTĐT		67	40	20	27
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu của CTĐT		60	43	17	27

Bảng 2. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng ứng dụng

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức chung	4	4	0	0
B	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	51	24	17	27
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	26	15	11	19
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	15	9	6	8
IV	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15	15	15	0
Tổng số tín chỉ của CTĐT		70	43	17	27
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu của CTĐT		60	60	43	17

2.2. Thông tin chung

Bảng 3. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Education (Primary Education)
3.	Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4.	Mã ngành đào tạo:	814 01 01
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Đại học hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	2 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	60 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 10
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Học viên sẽ được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học sau khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ
12.	Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tiểu học. - Giảng viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên. - Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục. - Cán bộ quản lý trong các cơ quan quản lý giáo dục từ Trung ương đến địa phương.
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	- Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng học tiếp chương trình đào tạo Tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học, Quản lý giáo dục.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT thạc sĩ GDTH của Trường Đại học Vinh; - Master of Primary Teacher education_UCL Univesity_England. - Master of Teacher (Primary)_Deakin Univesity_Australia.
15	Thời điểm cập nhật chương trình đào tạo	3/2022

2.3. Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học Trường ĐH Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Thực học - Thực nghiệp - Sáng tạo - Toàn diện và Khai phóng.

Thực học: Giáo dục hướng đến học thật, thi thật, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Thực nghiệp: Thực hiện nguyên lý giáo dục: Học phải đi đôi với hành; sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có đầy đủ năng lực nghề nghiệp của một giáo viên, đảm bảo thích ứng cao với hoạt động nghề nghiệp và đổi mới giáo dục phổ thông.

Sáng tạo: Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo có khả năng tư duy phê phán, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp trong dạy học, giáo dục và quản trị ở trường tiểu học.

Toàn diện: Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo có đầy đủ phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có năng lực chuyên môn nghề nghiệp; năng lực giao tiếp hợp tác; phát triển bản thân và học tập suốt đời.

Khai phóng: Chương trình đào tạo rèn luyện người học có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo, có mức độ tự chủ cao trong học tập, trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp cũng như các hoạt động khác của cuộc sống.

2.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa giáo dục Tiểu học - Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng

2.4.1. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học – Trường ĐHSP trở thành khoa đào tạo trọng điểm về Giáo dục Tiểu học, hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ khoa học giáo dục đạt chuẩn chất lượng trong khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn.

2.4.2. Sứ mạng

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo đại học, sau đại học, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và cả nước; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác quốc tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.5. Danh mục các ngành đào tạo đại học phù hợp

2.5.1. Các ngành phù hợp

Bảng 4. Bảng quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng nghiên cứu

STT	Các ngành đúng/ ngành phù hợp/ ngành gần/khác	Ngành học	Mã ngành ĐH
1	Ngành đúng	- Cử nhân Giáo dục Tiểu học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học – Tiếng Anh	714 0202
2	Ngành phù hợp	- SP Tin học và Công nghệ Tiểu học; - Các cử nhân Sư phạm khác; Giáo dục đặc biệt	
3	Ngành khác	Cử nhân các ngành Toán, Toán-Tin, Ngôn ngữ, Sử, Địa, Sinh, Tiếng Anh	

Bảng 5. Bảng quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng ứng dụng

STT	Các ngành đúng/ ngành phù hợp/ ngành gần/khác	Ngành học	Mã ngành ĐH
1	Ngành đúng	- Cử nhân Giáo dục Tiểu học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học – Tiếng Anh	714 0202
2	Ngành phù hợp	- Cử nhân Sư phạm; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; SP Tin học và Công nghệ Tiểu học	714 -
3	Ngành khác	Cử nhân các ngành Toán, Toán-Tin, Ngôn ngữ, Sử, Địa, Sinh, Tiếng Anh; Tâm lí học.	

2.5.2. Các học phần bổ sung

Quy định học bổ sung kiến thức đối với định hướng nghiên cứu (chuyên ngành Giáo dục học)

- Thí sinh thuộc nhóm ngành đúng, ngành phù hợp không cần học bổ sung.
- Thí sinh thuộc nhóm ngành gần sau 5 năm tốt nghiệp cần học bổ sung các học phần sau:

Bảng 6. Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm ngành gần sau 5 năm tốt nghiệp

Tên ngành đúng hoặc phù hợp	Mã ngành ĐH	Các học phần phải học bổ sung	
		Tên học phần	Số TC
- Tâm lý học	523104	1. Giáo dục học đại cương	2
- Tâm lý - giáo dục học		2. Lý luận dạy học	2
- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên		3. Lý luận giáo dục	2

- Thí sinh dự thi thuộc các ngành khác phải học bổ sung các học phần:

Bảng 7. Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc ngành khác

Tên ngành khác	Các học phần phải học bổ sung	
	Tên học phần	Số TC
Các ngành khác có 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	1. Tâm lý học giáo dục	4
	2. Giáo dục học đại cương	2
	3. Lý luận dạy học	2
	4. Lý luận giáo dục	2

Bảng 8. Quy định học bổ sung đối với định hướng ứng dụng

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
Chuyên ngành đúng			
1	Cử nhân Giáo dục Tiểu học; GDTH- Tiếng Anh	Không	
Chuyên ngành gần			
2	Cử nhân sư phạm; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; SP Tin học và Công nghệ Tiểu học	1. Phương pháp dạy học toán tiểu học.	3
		2.PPDH tiếng Việt tiểu học	3
		3.Cơ sở TN-XH và Phương pháp dạy học ở tiểu học	3
Chuyên ngành khác			
4	Ngành khác có 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	1. Tâm lý học đại cương	2
		2. Giáo dục học đại cương.	2
		3. Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học.	3
		4. Phương pháp dạy học toán tiểu học.	3
		5. Cơ sở Tự nhiên – Xã hội và PPDH ở tiểu học.	3

2.6. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

2.6.1. Mục tiêu chung (Goals)

Đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) có kiến thức sâu rộng, tiên tiến, liên ngành về giáo dục; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến; có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

2.6.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives - POs)

2.6.2.1. Định hướng nghiên cứu

- PO1: Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời;
- PO2. Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực liên quan đến tiểu học.
- PO3. Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến, cải tiến sáng tạo, những kết luận quan trọng mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn cấp Tiểu học.
- PO4. Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kỹ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

2.6.2.2. Định hướng ứng dụng

- **PO1:** Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời;
- **PO2.** Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực liên quan đến tiểu học.
- **PO3.** Có năng lực ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm vào cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục ở cấp Tiểu học.
- **PO4.** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kỹ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

2.7. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

2.7.1. Định hướng nghiên cứu

Khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) theo định hướng nghiên cứu, người học đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.

PLO2. Thiết kế các hoạt động giáo dục và dạy học tiên tiến phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PLO3. Quản trị các hoạt động giáo dục và dạy học tiên tiến ở cấp Tiểu học.

PLO4. Thiết kế chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PLO5. Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học.

PLO6. Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực nghề nghiệp

PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

2.7.2. Định hướng ứng dụng

Khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) theo định hướng ứng dụng, người học đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn

PLO2. Triển khai hoạt động giáo dục và dạy học tiên tiến phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.

PLO3. Quản trị các hoạt động giáo dục và dạy học tiên tiến ở cấp Tiểu học

PLO4. Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

PLO5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học chuyên ngành vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

PLO6. Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực nghề nghiệp

PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

*** Ma trận Mục tiêu với CDR của CTĐT**

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 9. *Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (định hướng nghiên cứu)*

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT						
		1	2	3	4	5	6	7
<i>Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) có kiến thức sâu rộng, tiên tiến, liên ngành về giáo dục tiểu học; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến;có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.</i>								
Mục tiêu cụ thể:								
PO1	Có kiến thức thực tế, liên ngành và lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến trong nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục ở cấp Tiểu học	x						
PO2	Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực liên quan đến tiểu học.		x	x			x	
PO3	Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến, cải tiến sáng tạo, những kết luận quan trọng mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn cấp Tiểu học				x	x		
PO4	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi							x

Bảng 10. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT
(định hướng ứng dụng)

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT						
		1	2	3	4	5	6	7
<i>Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) có kiến thức sâu rộng, tiên tiến, liên ngành về giáo dục tiểu học; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến;có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.</i>								
Mục tiêu cụ thể:								
PO1	Có kiến thức thực tế, liên ngành và lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến trong nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục ở cấp Tiểu học	x						
PO2	Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực liên quan đến tiểu học.		x	x			x	
PO3	Có năng lực ứng dụng các nghiên cứu khoa học sư phạm vào cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục ở cấp Tiểu học.				x	x		
PO4	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi							x

2.8. Cơ hội việc làm, nghiên cứu khoa học và học tập sau này

2.8.1. Cơ hội nghề nghiệp

Hoàn thành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học), học viên sẽ có đầy đủ kiến thức và năng lực để đảm nhiệm công việc tại các vị trí sau đây:

- Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tiểu học.
- Giảng viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên.
- Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.
- Cán bộ quản lý trong các cơ quan quản lý giáo dục từ Trung ương đến địa phương.

2.8.2. Khả năng nghiên cứu khoa học và học tập sau tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục tiểu học), người học có khả năng học tiếp chương trình đào tạo Tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học, Quản lý giáo dục.

2.9. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

2.9.1. Tiêu chí tuyển sinh

Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp và các học phần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển xem tại bảng 7, bảng 8 sau đây.
- Người dự tuyển chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập nghiên cứu;

*** Đối với định hướng nghiên cứu**

Bảng 11. Quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng nghiên cứu

STT	Các ngành đúng/ ngành phù hợp/ ngành gần/khác	Ngành học	Mã ngành ĐH
1	Ngành đúng	- Cử nhân Giáo dục Tiểu học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học – Tiếng Anh	714 0202
2	Ngành phù hợp	- SP Tin học và Công nghệ Tiểu học; - Các cử nhân Sư phạm khác; Giáo dục đặc biệt	
3	Ngành khác	Cử nhân các ngành Toán, Toán-Tin, Ngôn ngữ, Sử, Địa, Sinh, Tiếng Anh	

*** Đối với định hướng ứng dụng (Định hướng đào tạo thạc sĩ Giáo dục học Tiểu học)**

Bảng 12. Quy định chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần/khác đối với định hướng ứng dụng (Định hướng đào tạo thạc sĩ Giáo dục học Tiểu học)

STT	Các ngành đúng/ ngành phù hợp/ ngành gần/khác	Ngành học	Mã ngành ĐH
1	Ngành đúng	- Cử nhân Giáo dục Tiểu học - Cử nhân Giáo dục Tiểu học – Tiếng Anh	714 0202
2	Ngành phù hợp	- Cử nhân Sư phạm; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; SP Tin học và Công nghệ Tiểu học	714 -
3	Ngành khác	Cử nhân các ngành Toán, Toán-Tin, Ngôn ngữ, Sử, Địa, Sinh, Tiếng Anh; Tâm lí học.	

Ghi chú: Bằng đại học, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và học bổ sung các học phần theo quy định của Trường (nếu có).

2.9.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm. Thời gian đào tạo trong 2 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính. Theo lộ trình được thiết kế, học viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, học kỳ 4 dành cho bảo vệ thực tập/bảo vệ đề cương và thực hiện đồ án/luận văn tốt nghiệp.

Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60TC (43tc BB+17tc TC) với điểm trung bình tốt nghiệp là 2,0 (thang 4) hoặc 5,5 (thang 10) trở lên.

Sinh viên từ năm 3 trở lên có học lực khá của ngành phù hợp có thể tích lũy tối đa 15 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ (các học phần đánh dấu *) trước khi xét tuyển học tập ở trình độ thạc sĩ. Các tín chỉ này được bảo lưu trong thời hạn 5 năm và được tính trong kết quả tích lũy các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (GD Tiểu học) của học viên đó.

2.9.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Học viên sẽ được cấp bằng Thạc sĩ Giáo dục học sau khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, về Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ).

- Bảo vệ Đồ án/Luận văn đạt yêu cầu theo quyết định của Hội đồng chấm Đồ án/Luận văn thạc sĩ căn cứ vào Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT.

2.10. Chiến lược giảng dạy - học tập

Nhằm giúp học viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học), Trường và Khoa chuyên môn đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

***Chiến lược dạy học trực tiếp**

Để đảm bảo đạt được các CDR của chương trình đào tạo và hướng đến các triết lý giáo dục của nhà trường, của khoa, chương trình được thiết kế 3 chiến lược dạy học gồm: “Dạy học hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học”, “Dạy học hướng phát huy tính tự lực, tích cực nghiên cứu” và “Dạy học tăng cường tính thực hành, thực nghiệp”. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được lựa chọn cho mỗi chiến lược đều hướng đến đáp ứng cho từng PLO cụ thể:

Bảng 13. Chiến lược dạy học – Phương pháp dạy học và đánh giá

Chiến lược dạy học	Phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học	Phương pháp kiểm tra đánh giá người học
Dạy học phát huy tính tích cực chủ động của người học	Thảo luận nhóm	- Báo cáo nhiệm vụ trước lớp - Phiếu học tập - Rubric đánh giá làm việc nhóm
	Dạy học phát hiện và GQVĐ	Bài tiểu luận, thi cuối kì
	Kỹ thuật dạy học tích cực (mảnh ghép; sơ đồ tư duy; khăn trải bàn; phản hồi tích cực)	- Phiếu học tập - Sản phẩm nhóm
Dạy học phát huy tính tự lực, tích cực nghiên cứu	Seminar	- Bài tập lớn - Tiểu luận - Luận văn/đồ án
	Dự án học tập	Rubric đánh giá dự án
	Tự học	Rubric đánh giá tự học
	Nghiên cứu khoa học giáo dục	Rubric ĐG tiểu luận
	Blended-learning	Rubric đánh giá
Dạy học tăng cường tính thực hành, thực nghiệm	Dạy học qua tình huống	Rubric đánh giá
	Quan sát sư phạm, thực tập	Rubric đánh giá
	Dạy học qua trải nghiệm	Bài vận dụng
	Thực hành – luyện tập	Rubric đánh giá

*** Chiến lược dạy gián tiếp**

HV được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kì HD giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình DH tiếp cận hướng đến HV, lấy HV làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến HV mà thay vào đó, HV được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy

phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược, sơ đồ tư duy, học tập hợp tác...

*** Học qua trải nghiệm**

Học qua trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Chiến lược học tập trải nghiệm thường được sử dụng đồng nghĩa với giáo dục trải nghiệm, nhưng thực tế giáo dục trải nghiệm là một triết lý giáo dục rộng hơn, học tập trải nghiệm xem xét quá trình học tập của cá nhân. Học tập trải nghiệm quan tâm đến các vấn đề cụ thể liên quan đến người học và bối cảnh học tập. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, dạy học qua tình huống, ...

*** Dạy học tương tác**

Tương tác chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho người học cơ hội để *“phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của người học đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế”*. Học viên có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lý.

Chiến lược dạy học tương tác cho phép một loạt các nhóm và phương pháp tương tác. Chúng có thể bao gồm các cuộc thảo luận toàn lớp, các cuộc thảo luận nhóm nhỏ hoặc các dự án, hoặc các cặp hoặc bộ ba học viên làm việc cùng nhau trên các bài tập. Điều quan trọng là giảng viên phải phác thảo chủ đề, thời lượng thảo luận, thành phần và quy mô của các nhóm, và các kỹ thuật báo cáo hoặc chia sẻ. Hướng dẫn tương tác đòi hỏi sự tinh chỉnh của các kỹ năng và khả năng quan sát, lắng nghe, giao tiếp của giảng viên và học viên. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp, động não, khăn trải bàn,...

*** Học tập độc lập**

Học tập độc lập đề cập đến một loạt các phương pháp giảng dạy được cung cấp có mục đích để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân. Học viên chủ động, tự lực và tự hoàn thiện. Mặc dù việc học độc lập có thể do học viên

hoặc giảng viên bắt đầu, trọng tâm ở đây sẽ là nghiên cứu độc lập có kế hoạch của học viên dưới sự hướng dẫn hoặc giám sát của giảng viên đứng lớp. Ngoài ra, học tập độc lập có thể bao gồm học tập trong sự hợp tác với một cá nhân khác hoặc như một phần của một nhóm nhỏ. Các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: tự học, dạy học dự án, nghiên cứu khoa học, sơ đồ tư duy, ...

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 14. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Chiến lược DH trực tiếp	Thuyết trình nêu vấn đề, thực hành.	x	x					x
Chiến lược dạy gián tiếp	Giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình, lớp học đảo ngược.	x	x	x	x	x	x	x
Học qua trải nghiệm	Mô phỏng, trò chơi, tham quan, trải nghiệm thực tế, đóng vai, dạy học qua tình huống	x	x	x	x	x	x	x
DH tương tác	Đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp.	x	x	x	x	x	x	x
Học tập độc lập	Tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học.	x	x	x	x	x	x	x

2.11. Chiến lược và phương pháp đánh giá

2.11.1 Chiến lược

Thực hiện theo Thông tư 17 số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021.

Việc đánh giá người học được đánh giá trên cả 2 mặt, Chuẩn đầu ra và điểm tích lũy theo hệ thống tín chỉ của chương trình đào tạo.

Việc bảo vệ đồ án/luận văn tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đồ án/Luận văn phải được người hướng dẫn nhận xét và đồng ý cho bảo vệ trước khi trình lên Hội đồng chấm Đồ án/luận văn tốt nghiệp.

- Trước khi bảo vệ, mỗi đồ án/luận văn tốt nghiệp phải có hai bản nhận xét của 2 phản biện và đồng ý cho học viên bảo vệ.

- Điểm đánh giá đồ án/ luận văn tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên Hội đồng đánh giá, lẻ đến 0,25

- Điểm tổng hợp của Đồ án/ luận văn được tính theo thang 10 và cho lẻ đến 1 số lẻ thập phân.

Các quy định, hướng dẫn thực tập và tất cả các biểu mẫu liên quan đến thực tập tuân theo Quyết định /QĐ-ĐT ngày tháng năm 20 của Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định Thực tập của học viên cao học theo định hướng ứng dụng.

***Đánh giá học phần**

Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và Trường ĐHSP.

Ngoài ra, việc đánh giá học phần tuân thủ theo quy định trong các đề cương học phần đã được Bộ môn và HĐ Khoa học của Khoa thông qua.

Mỗi học phần sẽ có các cột điểm và trọng số như sau:

- | | | |
|---------------------------------------|---|-----|
| + Điểm quá trình (không bắt buộc): | } | 0,4 |
| + Điểm Giữa kỳ (bắt buộc): | | |
| + Điểm Cuối kỳ (bắt buộc): | | 0,6 |
| - Điểm đạt: từ điểm C (5,5) trở lên . | | |

2.11.2. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm mỗi học phần, giảng viên có thể sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau, như Đánh giá chuyên cần; đánh giá bài tập; kiểm tra viết; tự luận; trắc nghiệm khách quan; thuyết trình; vấn đáp; làm việc nhóm; tiểu luận/bài tập lớn; thực tập; Đồ án/ luận văn tốt nghiệp.

• Cách tính điểm học phần

Học viên theo học CTĐT thạc sĩ Giáo dục học Tiểu học được đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.
- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.
- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của học viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của học viên.

Bảng 15. Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 - 10	4	A
	Từ 7,0 – 8,4	3	B
	Từ 5,5 – 6,9	2	C
	Từ 4,0 – 5,4	1	D
Không đạt	< 4,0	0	F

2.11.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

R.1.1. Rubric đánh giá quá trình học tập

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Quá trình học tập trên lớp	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi	50% (5 điểm)

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
				đi trễ	thoảng đi trễ	trễ	trễ	
		<i>Tham gia các hoạt động học tập trên lớp</i>	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận Nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận Nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	50% (5 điểm)

R.1.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số %	A 8.5-10	B 7-8.4	C 5.5-6.9	Yếu <4
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	20	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo

R.1.3. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Hình thức	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	40% (4 điểm)
	<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	

Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Nội dung	<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	50% (5 điểm)
	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	
	<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic,	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối	Không có dẫn chứng minh họa.	

Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
		khoa học, bảo vệ được luận điểm.	có thể phân nào đó bảo vệ được luận điểm.	tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.		
Kỹ năng nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	10% (0,5 điểm)
	<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

R.1.4. Rubric đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Nội dung	<i>Nội dung</i>	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày nhiều nội dung không đúng nội dung của đề tài.	40% (4 điểm)
Thuyết trình	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các mục so với quy định.	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	40% (4 điểm)
	<i>Phong cách thuyết</i>	Phong cách trình bày tự tin;	Phong cách trình bày tự tin;	Phong cách trình bày chưa thật tự	Phong cách trình bày chưa	Không tự tin khi trình	

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
	<i>trình</i>	Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người Nghe	tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	tự tin; Diễn đạt còn lúng túng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	bày; diễn đạt lúng túng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	
	<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa hưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung;	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung;	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh	

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
		hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung.	sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
	<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định >5 phút	
Kỹ năng Nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60%	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên	15% (1,5 điểm)

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
			lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	câu hỏi của đề tài.		hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	
	<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

R.2.1. Rubric đánh giá bài tiểu luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	A 8.5-10	B 7-8.4	C 5.5-6.9	D 4-5.4	F < 4
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực hiện đủ các nhiệm vụ (80%-100%), nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện 60-79% các nhiệm vụ nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-59% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện 40-49% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm

Tiêu chí	Trọng số (%)	A 8.5-10	B 7-8.4	C 5.5-6.9	D 4-5.4	F < 4
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	60	Nội dung đảm bảo tính chính xác, có căn cứ và được phân tích kỹ càng với các lập luận chặt chẽ và có bằng chứng thuyết phục	Nội dung đảm bảo chính xác, có căn cứ, được phân tích cụ thể nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung có vài chỗ thiếu tính chính xác, và thiếu căn cứ; được phân tích nhưng chưa cụ thể, chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung phần lớn còn chưa chính xác, thiếu căn cứ, chưa được phân tích cụ thể, thiếu bằng chứng thuyết phục.	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục
Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu	10	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, tương đối nhiều lỗi chính tả	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ, đôi chỗ chưa phân tích rõ ràng	Mới chỉ nêu được ý tưởng, chưa thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Không nêu được ý tưởng

R.2.2. Rubric đánh giá bài tự luận

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
<i>Nội dung và hình thức trình bày</i>	Câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức	Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.	Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt dưới 40% nội dung trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Giảng viên điều chỉnh theo từng bài kiểm tra cụ thể
	Câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề,	Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ	Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực	Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.	Trình bày vấn đề một cách đơn giản. Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa	Trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.	

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
	vận dụng	quan điểm của mình. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học một cách thuyết phục. Không có lỗi hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt	sự chặt chẽ. - Vận dụng được kiến thức kỹ năng đã học nhưng chưa thuyết phục. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Chưa vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.	vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học. Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.		

R.2.3. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí chung	Thang điểm				
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình (35%)	Thực hiện được dưới 30% các thao tác, quy trình	Thực hiện từ 30% - dưới 50% các thao tác, quy trình	Thực hiện được từ 50% - dưới 70% các thao tác, quy trình	Thực hiện được từ 70% - dưới 85% các thao tác, quy trình	Thực hiện được trên 85% các thao tác, quy trình

Tiêu chí chung	Thang điểm				
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu (40%)	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 2 sai sót quan trọng trở lên	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Hoàn thiện về hình thức (25%)	Đầy đủ dưới 40% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Đầy đủ từ 40% - dưới 60% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Đầy đủ từ 60% - dưới 80% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Đầy đủ từ 80% - 90% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Đầy đủ trên 90% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.

R.2.4. Rubric đánh giá bài thi vấn đáp

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Kiến thức		Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết tương đối về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết nhưng chưa sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết rời rạc thiếu tính hệ thống về chủ đề.	Không có hiểu biết về chủ đề hoặc lạc đề.	40% (4 điểm)

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Kỹ năng lập luận	<i>Luận điểm</i>	Nêu và phân tích luận điểm rõ ràng, chi tiết đối với tất cả các vấn đề, có nêu và phân tích phản biện luận điểm.	Chỉ nêu luận điểm đối với một số vấn đề, có phân tích tổng quát các luận điểm nhưng không phân tích phản biện luận điểm	Khoảng 1/2 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, chưa phân tích tổng quát đối với 1/2 tổng số luận điểm và phản biện luận điểm	Khoảng 2/3 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, không phân tích mà chỉ nêu luận điểm	Không nêu được luận điểm, không có dẫn chứng chi tiết.	40% (4 điểm)
	<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	
	<i>Cấu trúc câu trả lời</i>	Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự phát triển logic.	Các luận điểm được sắp xếp tương đối logic. Một vài điểm chưa hợp lý.	Khoảng 1/2 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Khoảng 2/3 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Các luận điểm không được sắp xếp theo trật tự logic, khó hiểu.	

Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Phản xạ		Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gợi mở từ phía giáo viên.	Cần thời gian từ 5-10 giây để trả lời câu hỏi ở mức độ tổng quan, đi vào chi tiết với câu hỏi gợi mở từ phía giáo viên.	Lúng túng trước câu hỏi. Trả lời được ở mức độ tổng quan sau khi giáo viên đặt câu hỏi gợi mở.	Không hiểu câu hỏi và yêu cầu giáo viên nhắc lại câu hỏi hoặc gợi mở. Trả lời chưa rõ ràng sau khi giáo viên đặt câu hỏi gợi mở.	Không trả lời được câu hỏi kể cả khi giáo viên đã đặt nhiều câu hỏi gợi mở.	20% (2 điểm)

R.3. Rubric đánh giá Đồ án/Luận văn tốt nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)	Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Tính thời sự của nội dung nghiên cứu	5	Rất cấp thiết	Cấp thiết	Ít cấp thiết	Không cấp thiết
Cấu trúc	10	Cấu trúc cân đối, hợp lý.	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý.	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý.	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý.

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)	Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Nội dung	60	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề - Lập luận tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận không chặt chẽ, logic
Tính mới	5	30% nội dung nghiên cứu mới hoàn toàn	20% nội dung nghiên cứu mới	5% nội dung nghiên cứu mới	Không có cái mới
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomate...)	5	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi nhỏ	Format vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều

R.4. Rubric đánh giá học phần Thực tập

Tiêu chí chung	Trọng số điểm	Thang điểm				
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
Thực hiện đầy đủ các quy định thực tập	10%	Thực hiện đầy đủ trên 85% các quy định	Thực hiện được từ 70% - dưới 85% các quy định	Thực hiện được từ 50% - dưới 70% các quy định	Thực hiện từ 30% - dưới 50% các quy định	Thực hiện dưới 30% các quy định.
Triển khai áp dụng được các học thuật tiên tiến vào trường phổ thông.	50%	Triển khai áp dụng được từ 5 giải pháp/PPDH tiên tiến trở lên.	Triển khai áp dụng được 3-4 giải pháp/PPDH tiên tiến	Triển khai áp dụng được 2 giải pháp/PPDH tiên tiến	Triển khai áp dụng được 1 giải pháp/PPDH tiên tiến	Không triển khai áp dụng được giải pháp/PPDH tiên tiến nào
Bản báo cáo thực tập đầy đủ.	20%	Nội dung trình bày đầy đủ trên 90% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Nội dung trình bày từ 80% - 90% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Nội dung trình bày từ 60% - dưới 80% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Nội dung trình bày từ 40% - dưới 60% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV.	Nội dung trình bày dưới 40% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV
Báo cáo và trả lời các câu hỏi của HĐ đánh giá.	20%	Báo cáo tự tin, hấp dẫn; trả lời được trên 85% các câu hỏi	Báo cáo tự tin, hấp dẫn; trả lời được từ 70-85% các câu hỏi	Báo cáo tự tin, hấp dẫn; trả lời được từ 50-70% các câu hỏi	Báo cáo chưa thật sự tự tin, hấp dẫn; trả lời được từ 40-50% các câu hỏi	Báo cáo chưa tự tin, hấp dẫn; trả lời được 30% các câu hỏi

2.12. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Hàng năm, tuyển sinh hai đợt, theo thời gian tuyển sinh Sau Đại học của Đại học Đà Nẵng:

Đợt 1: Từ 15/03 đến 30/4.

Đợt 2: Từ 15/08 đến 30/9.

Số lượng tuyển sinh: 70 - 100 học viên/năm.

III. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

3.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Bảng 16. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng nghiên cứu

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức chung	4	4	4	0
B	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	36	36	20	27
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	26	9	17	27
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	30	30	3	6
III	Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu	12	12	12	0
IV	Luận văn tốt nghiệp	15	15	15	0
Tổng số tín chỉ của CTĐT		67	40	20	27
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu của CTĐT		60	43	17	27

Bảng 17. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng ứng dụng

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức chung	4	4	0	0
B	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	51	24	17	27
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	26	15	11	19
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	15	9	6	8
IV	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15	15	15	0
Tổng số tín chỉ của CTĐT		70	43	17	27
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu của CTĐT		60	60	43	17

3.2. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

3.2.1. Định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH/ TN		
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			4	3	1		
1	31645001	Triết học	4	3	1		GDCT
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH			36				
		Kiến thức Cơ sở ngành	12	8	4		
2	32035076	Lí luận giáo dục và dạy học hiện đại	3	2	1	1	TL-GD
3	32035041	Quản lí giáo dục trong nhà trường	3	2	1	1	TL-GD
4	32035088	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	1	TL-GD GDTH
5	32235023	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	3	2	1		GDTH
		Học phần tự chọn (chọn 17tc/27tc)	27	17	10		
6	32035005	Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	3	2	1		TL-GD
7	32035021	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá	3	2	1		TL-GD
8	32035092	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	3	2	1		TL-GD
9	32035018	Giáo dục học so sánh	2	1	1		TL-GD
10	32025099	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	2	1	1		TL-GD
11	32035091	Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo	3	2	1		GDTH
12	32035093	Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục	3	2	1		TL-GD

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH/ TN		
13	32025095	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	2	1	1		TL-GD
14	32025094	<i>Phát triển môi trường giáo dục</i>	2	1	1		TL-GD
15	32235041	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	3	2	1		GDTH
CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU			12	4	8		
16	32235045	Chuyên đề nghiên cứu 1. Năng lực toán học của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
17	32235046	Chuyên đề nghiên cứu 2. Năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
18	32235047	Chuyên đề nghiên cứu 3. Năng lực Tự nhiên - Xã hội của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
19	32235048	Chuyên đề nghiên cứu 4. Thiết kế chủ đề giáo dục STEM ở trường tiểu học	3	1	2		GDTH
20	322155049	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	0	15	19	GDTH
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			70				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			43				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			17				
Ghi chú: - Phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ. - Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.							

3.2.2. Định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH/ TN		
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			4	3	1		
1	31645001	Triết học	4	3	1		GDCT
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH			51	33	18		
		Các học phần bắt buộc (24tc)	24	16	8		
2	32035005	Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	3	2	1	1	TL-GD
3	32035076	Lí luận dạy học và giáo dục hiện đại	3	2	1	1	TL-GD
4	32035088	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	1	TL-GD GDTH
5	32035041	Quản lý giáo dục trong nhà trường	3	2	1	1	TL-GD
6	32035021	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá	3	2	1		TL-GD
7	32235037	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao	3	2	1	2, 3	GDTH
8	32235038	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao	3	2	1	2, 3, 17	GDTH
9	32235039	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội tiểu học nâng cao	3	2	1	2, 3	GDTH
		Học phần tự chọn (chọn 17tc/27tc)	27	17	10		
10	32035091	Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo	3	2	1		TL-GD

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH/TN		
11	32035092	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	3	2	1		TL-GD
12	32035018	Giáo dục học so sánh	3	2	1		TL-GD
13	32035093	Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục	3	2	1		TL-GD
14	32025094	Phát triển môi trường giáo dục	2	1	1		TL-GD
15	32025095	Tư vấn và hỗ trợ người học	2	1	1		TL-GD
16	32235040	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán	3	2	1		GDTH
17	32235001	Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	2	1	1		GDTH
18	32235041	Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam	3	2	1		GDTH
19	32235023	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	3	2	1		GDTH
	THỰC TẬP		6	0	6		GDTH
20	32265043	Thực tập	6	0	6	7,8,9	GDTH
ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP			9	0	9		
21	32295044	Đồ án tốt nghiệp	9	0	9	20	GDTH
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			70				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			43				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			17				

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ.
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

3.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào

3.3.1. Định hướng nghiên cứu

Bảng 18. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1	Triết học	R																R,A	
	Lí luận dạy học và giáo dục hiện đại			R,A	R			R	R				R						M
	<i>Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục</i>	R,A			R													R	
	<i>Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa</i>		R,A	R														R	
	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>		.R,A				.R	.R											.R
	<i>Giáo dục học so sánh</i>		.R				.R,A												.R
	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	.R				.R,A												.R	

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục												M,A	M,A	M,A	R,A	R,A		
	Quản lý giáo dục trong nhà trường						R,A	R,A	R,A										
	<i>Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>				.R				.R,A			.R							.R
	<i>Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục</i>	.R					.M	.M											
	<i>Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào</i>						.R	.R,A	R,A										

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	<i>tạo</i>																		
	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	R	R,A																
	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	.R	.M,A																
3	Chuyên đề nghiên cứu 1. Năng lực toán học của học sinh tiểu học			M	M	M							R	M					R
	Chuyên đề nghiên cứu 2. Năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học			M	M	M							R	M					R

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Chuyên đề nghiên cứu 3. Năng lực Tự nhiên - Xã hội của học sinh tiểu học			M	M	M					M,A	M,A	R	M					R
	Chuyên đề nghiên cứu 4. Thiết kế chủ đề giáo dục STEM ở trường tiểu học			M	M,A	M	M	M	M	R		M	R	M		M	M	M	M,A
4	Luận văn tốt nghiệp	M	M								R		M,A	M,A	M,A	M	M	R	R
	Tổng hợp số lượng học phần BB theo các mức độ đóng góp																		
	Mức I	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
Mức R		3	1	2	2	0	1	2	3	1	1	0	5	0	1	1	1	4	4
Mức M		1	1	4	4	4	1	1	1	0	1	2	2	6	2	2	2	1	2
HP đóng góp		3	2	6	6	4	2	3	4	1	2	2	7	6	3	3	3	5	6
HP đánh giá PI		1	2	1	1	0	1	1	2	0	1	1	2	2	2	1	1	1	1
HP đánh giá PLO		3		2			4			2			6			2		2	

3.3.2. Định hướng ứng dụng

Bảng 19. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1	Triết học	R																R,A	
	Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	R,A			R													R	
	Lí luận dạy học và giáo dục hiện đại			R,A	R			R	R				R						M
	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa		R,A	R														R	

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Lịch sử các tư tưởng giáo dục		.R,A				.R	.R											.R
	Giáo dục học so sánh		.R				.R,A												.R
	Phát triển môi trường giáo dục		.R			.M,A													
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục												M,A	M,A	M,A	R,A	R,A		

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Quản lý giáo dục trong nhà trường						R,A	R,A	R,A										
	<i>Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>				.R				.R,A			.R							.R
	<i>Phát triển chương trình và tổ chức quá trình</i>						.R	.R,A	R,A										

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	<i>đào tạo</i>																		
	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	.R				.R,A												.R	
	<i>Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i>	.R	.R,A																
	<i>Dạy học tích hợp ở cấp</i>	R.	.R,A																

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	<i>Tiểu học</i>																		
	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>	.R	.R,A																
	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	.R	.M,A																

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3..3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
3	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao			M	M,A	M	M	M	M	R				M		R	R		R
	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao			M	M,A	M	M	M	M	R				M		R	R		R
	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên -			M	M,A	M	M	M	M	R	M,A	M,A		M		R	R		R

HK	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs																	
		PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6		PLO7	
		PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	Xã hội tiểu học nâng cao																		
	Thực tập			M	M	M	M	M	M	R		M	R			M	M	M	M,A
4	Đồ án tốt nghiệp	M	M								R		M,A	M,A	M,A				R
Tổng hợp số lượng học phần BB theo các mức độ đóng góp																			
Mức I		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mức R		2	1	2	2	0	1	2	3	4	1	0	2	0	1	4	4	3	4
Mức M		1	1	4	4	4	4	4	4	0	1	2	2	5	2	1	1	1	2
HP đóng góp		3	2	6	6	4	5	6	7	4	2	2	4	5	3	5	5	4	6
HP đánh giá PI		1	1	1	3	0	1	1	2	0	1	1	2	2	2	1	1	1	1
HP đánh giá PLO		2		4			4			2			6			2		2	

3.4. Kế hoạch đào tạo

3.4.1. Định hướng nghiên cứu

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/ TN		
1	31645001	Triết học	4	3	1	*	GDCT
	32035076	Lí luận giáo dục và dạy học hiện đại	3	2	1	*	TL-GD/ GDTH
		Học phần tự chọn (chọn 11tc)	11	7	4		
	32035005	<i>Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục</i>	3	2	1	*	TL-GD
	32035021	<i>Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá</i>	3	2	1		TL-GD
	32035092	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	3	2	1		TL-GD
	32035018	<i>Giáo dục học so sánh</i>	2	1	1		TL-GD
	32025095	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	2	1	1	*	TL-GD
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	18	12	6		
2	32035088	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1		TL-GD GDTH
	32035041	Quản lí giáo dục trong nhà trường	3	2	1	*	TL-GD
	32235023	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	3	2	1		GDTH
		Học phần tự chọn (chọn 9tc)	9	6	3		
		Chọn 6tc	6				
	32025099	<i>Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục</i>	2	1	1		TL-GD
	32035093	<i>Đánh giá và quản lí hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>	3	2	1		TL-GD
	32035091	<i>Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo</i>	3	2	1		TL-GD
	32235041	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	3	2	1		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	10	5		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/TN		
3	32235045	Chuyên đề nghiên cứu 1. Năng lực toán học của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
	32235046	Chuyên đề nghiên cứu 2. Năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
	32235047	Chuyên đề nghiên cứu 3. Năng lực Tự nhiên - Xã hội của học sinh tiểu học	3	1	2		GDTH
	32235048	Chuyên đề nghiên cứu 4. Thiết kế chủ đề giáo dục STEM ở trường tiểu học	3	1	2		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	12	4	8		
4		Bảo vệ đề cương luận văn					
	322155049	Luận văn tốt nghiệp	15	0	15		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	0	15		

3.4.2. Định hướng ứng dụng

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/TN		
1	31645001	Triết học	4	3	1	*	GDCT
	32035005	Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	3	2	1	*	TL-GD
	32035076	Lí luận giáo dục và dạy học hiện đại	3	2	1	*	TL-GD
	32035021	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá	3	2	1		TL-GD
		Học phần tự chọn (chọn 8tc)	8	5	3		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/ TN		
	32035092	Lịch sử các tư tưởng giáo dục	3	2	1		TL-GD
	32035018	Giáo dục học so sánh	3	2	1		TL-GD
	32025094	Phát triển môi trường giáo dục	2	1	1		TL-GD
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	14	7		
2	32035088	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1		TL-GD GDTH
	32035041	Quản lý giáo dục trong nhà trường	3	2	1	*	TL-GD
		Học phần tự chọn	9	6	3		
		Chọn 3tc	3				
	32035093	Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục	3	2	1		TL-GD
	32035091	Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo	3	2	1		TL-GD
	32025095	Tư vấn và hỗ trợ người học	2	1	1	*	TL-GD
		Chọn 6tc	6				
	32235001	Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	3	2	1		GDTH
	32235023	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	2	1	1		GDTH
	32235040	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán	3	2	1		GDTH
	32235041	Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam	3	2	1		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	17	11	6		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/ TN		
3	32235038	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao	3	2	1		GDTH
	32235037	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao	3	2	1		GDTH
	32235039	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội tiểu học nâng cao	3	2	1		GDTH
	32265043	Thực tập	6	0	6		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	15	6	9		
4		Bảo vệ đề cương đồ án tốt nghiệp					GDTH
	32295044	Đồ án tốt nghiệp	9	0	9		GDTH
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	9	0	9		

*Lưu ý: Các học phần đánh dấu * là các học phần SV ngành đúng, ngành phù hợp năm 3 trở lên có thể học tích lũy.*

3.5. Sơ đồ chương trình giảng dạy

3.5.1. Định hướng nghiên cứu

HK 1	HK 2	HK3	HK4
Triết học	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao	Đồ án tốt nghiệp
Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	Quản lí giáo dục trong nhà trường	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao	
Lí luận giáo dục và dạy học hiện đại	<i>Đánh giá và quản lí hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội tiểu học nâng cao	
Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá	<i>Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo</i>	Thực tập	
<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>		
<i>Giáo dục học so sánh</i>	<i>Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i>		
<i>Phát triển môi trường giáo dục</i>	<i>Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học</i>		
	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>		
	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy VHTN ở VN</i>		

3.5.2. Định hướng ứng dụng

HK 1	HK 2	HK3	HK4
Triết học	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao	Đồ án tốt nghiệp
Cơ sở tâm lí của hoạt động giáo dục	Quản lí giáo dục trong nhà trường	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao	
Lí luận giáo dục và dạy học hiện đại	<i>Đánh giá và quản lí hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội tiểu học nâng cao	
Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá	<i>Phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo</i>	Thực tập	
<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>		
<i>Giáo dục học so sánh</i>	<i>Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i>		
<i>Phát triển môi trường giáo dục</i>	<i>Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học</i>		
	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>		
	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>		

3.6. Mô tả các học phần

3.6.1. Định hướng nghiên cứu

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và Triết học Mác-Lênin.
2	<i>Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục</i>	Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Giáo dục học nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức về các cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục nói chung: Giáo dục đạo đức, giáo dục thái độ và giá trị sống; các hoạt động giáo dục trong dạy học và kiến tạo môi trường học tập, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm học tập cộng đồng. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục hiện nay tại các cấp học khác nhau của hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia.
3	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	<ul style="list-style-type: none">- Người học có hệ thống tri thức về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại, đồng thời làm quen với một số nội dung mới của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại như như: Mục tiêu dạy học và giáo dục hiện đại; nội dung dạy học và giáo dục hiện đại; nguyên tắc dạy học và giáo dục; các phương pháp và phương tiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục.- Người học có khả năng vận dụng các kiến thức mới

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>về lý luận dạy học hiện đại trong việc lập kế hoạch và thực hiện quá trình dạy học, giáo dục; đánh giá và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo định hướng năng lực</p> <p>- Có thái độ tích cực và sẵn sàng đổi mới trong giáo dục</p>
4	<i>Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa</i>	<p>Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục.; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng. Nắm được các quy luật phát triển giáo dục.</p> <p>- Biết được xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam.</p> <p>- Có hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>- Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực tiễn giáo dục Việt nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.</p> <p>- Định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.</p> <p>- Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị.</p>
5	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	<p>- Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản: Các khái niệm về triết học, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục Việt Nam. Lý luận về triết lý giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ thời cổ đại đến hiện đại; Hiểu được triết lý giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945 đến nay.</p>

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		- Biết so sánh, vận dụng triết lý giáo dục qua các thời kỳ vào việc đổi mới hoạt động dạy học và công tác quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay
6	<i>Giáo dục học so sánh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được cơ sở lý luận của giáo dục học so sánh. Biết được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng. - Giúp học viên xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục học so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục. - Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức... của học viên. - Biết vận dụng kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục.
7	<i>Kiểm định và ĐG chất lượng giáo dục</i>	Học phần “Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục” cung cấp những vấn đề cơ bản về chất lượng giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên hệ thống lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. - Giúp học viên nhận thức những vấn đề cơ bản, cấp bách trong thực tiễn giáo dục hiện nay, từ đó định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Cung cấp cho học viên lý thuyết về các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu giáo dục và cách thức tiến hành các hoạt động cơ bản để triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục học.

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển ở học viên kỹ năng xây dựng đề tài, đề cương nghiên cứu cho đề tài, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài cụ thể, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. - Bồi dưỡng cho học viên kỹ năng triển khai và hoàn thiện một công trình nghiên cứu
9	Quản lý giáo dục trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường. - Rèn luyện các kỹ năng quản lý. Biết vận dụng vào quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học
10	<i>Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục; Phân tích được qui trình đánh giá kết quả giáo dục học sinh. - Xây dựng được kế hoạch đánh giá kết quả giáo dục; Sử dụng tương đối thành thạo một số phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục; Học viên nghiêm túc, khách quan, thận trọng trong quá trình đánh giá kết quả giáo dục.
11	<i>Phát triển và tổ chức chương trình đào tạo</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng xây dựng chương trình dạy học theo các mô hình hiện đại - Giúp người học có kiến thức về quá trình phát triển chương trình dạy học như: ý nghĩa, các nguyên tắc phát triển chương trình dạy học; quy trình phát triển các chương trình dạy học; các hoạt động cơ bản của nhà phát triển chương trình dạy học.

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<ul style="list-style-type: none"> - Người học có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật quản lý chương trình dạy học nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dạy học. - Người học có kỹ năng xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình dạy học - Hình thành thái độ tích cực trong xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo.
12	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	Học phần Tư vấn và hỗ trợ người học là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học. Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về tư vấn, hỗ trợ học sinh. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về tư vấn hỗ trợ học sinh. Chương 2 đề cập đến những khó khăn trong môi trường học đường của học sinh, chương 3 trình bày các kỹ năng tư vấn hỗ trợ cơ bản. Chương 4 thực hành phân tích trường hợp cụ thể và xây dựng chuyên đề tư vấn, hỗ trợ cho học sinh. Học phần này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho học sinh.
13	Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học	Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về tích hợp, dạy học tích hợp ở tiểu học; Phân tích, so sánh những quan điểm tích hợp, nội dung tích hợp, phương pháp luận về dạy học tích hợp ở tiểu học trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể lựa chọn các địa chỉ tích hợp phù hợp và cách xác định mức độ tích hợp trong các bài học ở tiểu học. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phương tiện dạy học... trong dạy học tích hợp; kỹ năng lập kế hoạch dạy học (soạn giáo án) tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học.

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
14	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>	Học phần Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học môn Toán ở trường Tiểu học thuộc học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các năng lực tư duy cần phát triển cho người học khi dạy học môn Toán ở cấp Tiểu học.
15	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	Học phần <i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy Văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i> cung cấp cho học viên cao học những kiến thức tổng quát về tiến trình phát triển, những thành tựu văn học thiếu nhi qua từng giai đoạn phát triển. Đồng thời cung cấp những kiến thức lí luận để học viên có thể đi sâu vào nghiên cứu những thành tựu của văn học thiếu nhi theo đặc trưng thể loại và theo hướng thi pháp học.
16	Chuyên đề nghiên cứu 1. NL toán học của HSTH	Chuyên đề nghiên cứu <i>Năng lực toán học của học sinh tiểu học</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, tiên tiến về năng lực toán học, đường phát triển năng lực, từ đó vận dụng vào hoạt động giáo dục, dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực toán học của học sinh tiểu học.
17	Chuyên đề nghiên cứu 2. NL ngôn ngữ của HSTH	Chuyên đề nghiên cứu <i>Năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về năng lực ngôn ngữ và dạy học phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe cho học sinh tiểu học; giúp học viên khai thác được những kết quả nghiên cứu trong tổ chức giáo dục và dạy học tiếng Việt phát triển năng lực học sinh tiểu học.
18	Chuyên đề nghiên cứu 3. NL TN-XH của HSTH	Nội dung học phần bao gồm: Một số lý thuyết về năng lực, phát triển năng lực, tiếp cận năng lực, phương pháp tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh, đặc biệt là năng lực Khoa học (Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử - Địa lí).

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
19	Chuyên đề nghiên cứu 4. Thiết kế chủ đề GD STEM ở trường tiểu học	Học viên thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu, tiên tiến về <i>Thiết kế chủ đề giáo dục STEM ở trường tiểu.</i> Bao gồm những nghiên cứu lí thuyết về giáo dục STEM ; tổ chức dạy học STEM ; xây dựng và thực hành dạy học các chủ đề STEM ở trường tiểu học.
20	Luận văn tốt nghiệp	Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.

3.6.2. Định hướng ứng dụng

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học	Học phần có mục đích trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở của triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng, về các vấn đề triết học của lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin. Những vấn đề ở học phần này được nghiên cứu một cách nâng cao và sâu sắc so với chương trình đại học và chương trình triết học không chuyên về lịch sử triết học và triết học Mác-Lênin.
2	Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục	Người học có hệ thống tri thức về cơ sở tâm lý học của các hoạt động giáo dục trong nhà trường, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc của toàn bộ quá trình hoạt động giáo dục trong nhà trường dưới góc độ tâm lý học - Người học có khả năng nhận diện và đánh giá được đặc điểm tâm lý cá nhân từ đó xây dựng thành công kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh từ góc độ tâm lý học

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>- Người học có thể vận dụng các cơ sở tâm lý học trong hoạt động dạy học và kiến tạo lớp học, hoạt động giáo dục đạo đức, thái độ và giá trị sống, hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, giáo dục trải nghiệm học tập cộng đồng, từ đó thành công trong hoạt động giáo dục toàn diện nhân cách học sinh.</p>
3	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại	<p>- Người học có hệ thống tri thức về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại, đồng thời làm quen với một số nội dung mới của lý luận dạy học và giáo dục hiện đại như như: Mục tiêu dạy học và giáo dục hiện đại; nội dung dạy học và giáo dục hiện đại; nguyên tắc dạy học và giáo dục; các phương pháp và phương tiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá kết quả dạy học và giáo dục.</p> <p>- Người học có khả năng vận dụng các kiến thức mới về lý luận dạy học hiện đại trong việc lập kế hoạch và thực hiện quá trình dạy học, giáo dục; đánh giá và đổi mới quá trình dạy học, giáo dục theo định hướng năng lực</p> <p>- Có thái độ tích cực và sẵn sàng đổi mới trong giáo dục</p>
4	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa	<p>Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục.; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng. Nắm được các quy luật phát triển giáo dục.</p> <p>- Biết được xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới để vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam.</p>

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường. - Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và thực tiễn giáo dục Việt nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. - Định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. - Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị.
5	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản: Các khái niệm về triết học, triết lý giáo dục, triết lý giáo dục Việt Nam. Lý luận về triết lý giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ thời cổ đại đến hiện đại; Hiểu được triết lý giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945 đến nay. - Biết so sánh, vận dụng triết lý giáo dục qua các thời kỳ vào việc đổi mới hoạt động dạy học và công tác quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay
6	<i>Giáo dục học so sánh</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được cơ sở lý luận của giáo dục học so sánh. Biết được các nguyên tắc, kỹ thuật cơ bản khi nghiên cứu so sánh giáo dục trong lĩnh vực khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng. - Giúp học viên xác định đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục học so sánh, cũng như các bước tiến hành khi nghiên cứu đề tài về so sánh giáo dục.

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các bước trong so sánh giáo dục. Thông qua việc so sánh giáo dục để phát triển năng lực tư duy, năng lực phán đoán, năng lực tổ chức...của học viên. - Biết vận dụng kinh nghiệm qua so sánh giáo dục vào thực tiễn công tác quản lý giáo dục.
7	<i>Phát triển môi trường giáo dục</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về môi trường giáo dục và thực trạng môi trường giáo dục hiện nay. - Xây dựng và phát triển môi trường giáo dục tại nơi mình đang công tác - Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường giáo dục cho người học.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho học viên hệ thống lý luận cơ bản, hiện đại về nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. - Giúp học viên nhận thức những vấn đề cơ bản, cấp bách trong thực tiễn giáo dục hiện nay, từ đó định hướng, lựa chọn vấn đề nghiên cứu. - Cung cấp cho học viên lý thuyết về các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu giáo dục và cách thức tiến hành các hoạt động cơ bản để triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục học. - Phát triển ở học viên kỹ năng xây dựng đề tài, đề cương nghiên cứu cho đề tài, kỹ năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài cụ thể, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. - Bồi dưỡng cho học viên kỹ năng triển khai và hoàn thiện một công trình nghiên cứu
9	Quản lý giáo dục trong nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		<p>động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường.</p> <p>- Rèn luyện các kỹ năng quản lý. Biết vận dụng vào quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học</p>
10	<i>Đánh giá và quản lý hoạt động đánh giá trong giáo dục</i>	<p>- Trình bày được một cách hệ thống các khái niệm cơ bản về đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục; Trình bày được các phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục; Phân tích được qui trình đánh giá kết quả giáo dục học sinh</p> <p>-Xây dựng được kế hoạch đánh giá kết quả giáo dục; Sử dụng tương đối thành thạo một số phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục; Học viên nghiêm túc, khách quan, thận trọng trong quá trình đánh giá kết quả giáo dục.</p>
11	<i>Phát triển và tổ chức chương trình đào tạo</i>	<p>- Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng xây dựng chương trình dạy học theo các mô hình hiện đại</p> <p>- Giúp người học có kiến thức về quá trình phát triển chương trình dạy học như: ý nghĩa, các nguyên tắc phát triển chương trình dạy học; quy trình phát triển các chương trình dạy học; các hoạt động cơ bản của nhà phát triển chương trình dạy học.</p> <p>- Người học có kiến thức về các phương pháp, kỹ thuật quản lý chương trình dạy học nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dạy học.</p> <p>- Người học có kỹ năng xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình dạy học</p> <p>- Hình thành thái độ tích cực trong xây dựng, phát triển và tổ chức các chương trình đào tạo.</p>

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
12	<i>Tư vấn và hỗ trợ người học</i>	Học phần Tư vấn và hỗ trợ người học là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học. Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về tư vấn, hỗ trợ học sinh. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về tư vấn hỗ trợ học sinh. Chương 2 đề cập đến những khó khăn trong môi trường học đường của học sinh, chương 3 trình bày các kỹ năng tư vấn hỗ trợ cơ bản. Chương 4 thực hành phân tích trường hợp cụ thể và xây dựng chuyên đề tư vấn, hỗ trợ cho học sinh. Học phần này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho học sinh.
13	<i>Cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt tiểu học</i>	Học phần trang bị cho học viên những vấn đề về ngôn ngữ làm cơ sở cho việc tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học (cơ sở của việc xác định yêu cầu cần đạt; nguyên tắc, phương pháp dạy học, nội dung dạy học môn Tiếng Việt và cách thức kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực ngôn ngữ của học sinh tiểu học), đồng thời rèn luyện cho học viên những năng lực vận dụng tri thức ngôn ngữ học vào việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.
14	<i>Dạy học tích hợp ở cấp Tiểu học</i>	Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về tích hợp, dạy học tích hợp ở tiểu học; Phân tích, so sánh những quan điểm tích hợp, nội dung tích hợp, phương pháp luận về dạy học tích hợp ở tiểu học trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó học viên có thể lựa chọn các địa chỉ tích hợp phù hợp và cách xác định mức độ tích hợp trong các bài học ở tiểu học. Hình thành kỹ năng sử dụng

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phương tiện dạy học... trong dạy học tích hợp; kỹ năng lập kế hoạch dạy học (soạn giáo án) tích hợp các nội dung giáo dục ở tiểu học.
15	<i>Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học thông qua dạy học toán</i>	Học phần Phát triển năng lực tư duy thông qua dạy học môn Toán ở trường Tiểu học thuộc học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các năng lực tư duy cần phát triển cho người học khi dạy học môn Toán ở cấp Tiểu học.
16	<i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i>	Học phần <i>Tiến trình nghiên cứu và giảng dạy Văn học thiếu nhi ở Việt Nam</i> cung cấp cho học viên cao học những kiến thức tổng quát về tiến trình phát triển, những thành tựu văn học thiếu nhi qua từng giai đoạn phát triển. Đồng thời cung cấp những kiến thức lí luận để học viên có thể đi sâu vào nghiên cứu những thành tựu của văn học thiếu nhi theo đặc trưng thể loại và theo hướng thi pháp học.
17	Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao	<i>Lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học nâng cao</i> cung cấp và trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt nói chung, phương pháp dạy học cập nhật, chuyên sâu các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe và giúp học viên sử dụng và lựa chọn được các phương pháp và kỹ thuật dạy học chuyên sâu, tiên tiến trong dạy học và xây dựng KHBH phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
18	Lí luận và phương pháp dạy học toán tiểu học nâng cao	Học phần cung cấp cho học viên những cơ sở lý luận của một số xu hướng dạy học tích cực như dạy học toán theo xu hướng tiếp cận năng lực, dạy học toán theo xu hướng tích hợp, dạy học hợp

TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		tác,dạy học dự án; hoạt động, kiến tạo, khám phá... khả năng vận dụng các xu hướng này vào dạy học môn Toán ở tiểu học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường tiểu học.
19	Lí luận và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội tiểu học nâng cao	Học phần nghiên cứu về Chương trình giáo dục phổ thông các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, bao gồm môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1,2,3, Môn Khoa học lớp 4,5 và môn Lịch sử - Địa lí. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, trong đó tập trung vào việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực khoa học, bao gồm: Nhận thức khoa học; Tìm hiểu môi trường tự nhiên xã hội xung quanh và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.
20	Thực tập	Học phần tạo cơ hội cho học viên phát hiện thực trạng trong thực tiễn giáo dục và dạy học; triển khai thử nghiệm và đánh giá việc sử dụng các PP&KT dạy học hiện đại, tiên tiến; chủ trì các hoạt động học thuật, sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp; triển khai chương trình giáo dục địa phương, nhà trường; ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học; thể hiện tác phong, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng.
21	Đồ án tốt nghiệp	Đồ án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kĩ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành giáo dục học tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn quản lí, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.

3.7. Đề cương chi tiết các học phần

3.7.1. Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Triết học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Triết học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Phylosophy
1.3	Mã học phần:	31645001
1.4	Số tín chỉ:	4
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	42 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	18 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	120 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Đinh Thị Phượng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Dương Đình Tùng TS. Vương Thị Bích Thủy
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Khoa Giáo dục Chính trị
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần phát triển thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp học viên có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức nâng cao về quy luật phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; giúp học viên nhận thức được quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu khách quan. Trên cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng, học phần giúp học viên khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác- Lênin; kiến thức chuyên sâu về bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận, học thuyết hình thái kinh tế- xã hội, đời sống chính trị, đời sống tinh thần và những tri thức về con người. Trên cơ sở đó, giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong nhận xét, đánh giá sự vật, hiện tượng.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1. Có kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác- Lênin.

CO2: Có kiến thức nền chuyên sâu về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3. Có kiến thức nền tảng về nhận thức luận và nhận thức luận duy vật biện chứng.

CO4. Có kiến thức hiện đại về triết học chính trị, về sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử và triết học về con người.

CO5. Hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PI (đáp ứng)	Mức ĐG PI
CLO1	Phân tích được các thế giới quan khác nhau trong lịch sử triết học; nhận diện được tính khoa học, cách mạng của thế giới quan duy vật biện chứng.	1.1	R
CLO2	Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.	1.1	R
CLO3	Đánh giá được giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	1.1	R
CLO4	Phân tích được đời sống tinh thần của xã hội; nội dung triết học con người	1.1	R
CLO5	Phê phán các quan điểm sai trái; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	7.1	R,A

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	PLO1	PLO2			PLO3			PLO		PLO7
CLO 1	R									
CLO 2	R									
CLO3	R									
CLO4	R									
CLO5										R,A

5. Đánh giá học phần

5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1 Đánh giá giữa kỳ	A1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R3.1	W1.1 50%	W1 20%	CLO 1,2, 3, 4
		P2.2 P1.2 Bài báo cáo và thuyết trình tại lớp	R1.4	W1.2 50%	20%	CLO 1,2, 3, 4
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2 Kiểm tra cuối kỳ	P2 Tự luận	R2.1 (Theo đáp án)	W2 100%	W2 60%	CLO 5

5.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 70% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6. Rubric đánh giá (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1	Chương 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4/1	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não	- Đọc hiểu Tranh luận - Thảo luận	A1.1 A1.2	CLO1

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>1.1.1 Triết học và đối tượng của triết học.</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.</p> <p>1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử</p> <p>1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.</p> <p>1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.</p> <p>1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.</p> <p>1.2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.</p> <p>1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội</p>		- Trực quan	nhóm - Bài tập cá nhân		

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>1.3.2. Triết học Mác – Lênin.</p> <p>13.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam</p> <p>1.4.1. Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>1.4.2. Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.</p>					
Tuần 2	<p>Chương 2. BẢN THỂ LUẬN</p> <p>2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Suy nghĩ ghép nối - Giải quyết vấn đề - Tranh luận có 	A1.1 A1.2	CLO2

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>bản thể luận.</p> <p>2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.</p> <p>2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.</p> <p>2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin</p> <p>2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.</p> <p>2.2.2. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất</p> <p>2.2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.</p>			cấu trúc		

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.					
Tuần 3	<p>Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG</p> <p>3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử</p> <p>3.1.1. Lịch sử khái niệm “biện chứng” và khái niệm “siêu hình”.</p> <p>3.1.2. Phép biện chứng “tự phát” (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.</p> <p>3.1.3. Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).</p> <p>3.1.4. Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não; - Thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Giải quyết vấn đề - Thảo luận nhóm - Làm bài tập cá nhân; 	A1.1A1.2	CLO3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 4	<p>3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.</p> <p>3.2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.</p> <p>3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn</p> <p>3.1.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .</p> <p>3.1.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Làm việc cá nhân - Bài tập cá nhân Tranh luận có cấu trúc 	A1.1A1.2	CLO2
Tuần 5	<p>Chương 4. NHẬN THỨC LUẬN</p> <p>4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm đôi, 	A1.1A1.2	CLO2 CLO5

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>4.1.1. Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm".</p> <p>4.1.2. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.</p> <p>4.1.3. Nguồn gốc, bản chất, mục đích, nội dung của nhận thức.</p> <p>4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.</p> <p>4.2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.</p> <p>4.2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức</p> <p>4.2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý</p>		- Thảo luận nhóm	- Bài tập cá nhân.		

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội</p> <p>4.3.1. Tính đặc thù của nhận thức xã hội.</p> <p>4.3.2. Vai trò của nhận thức xã hội.</p> <p>4.3.2. Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.</p> <p>4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>4.4.1. Nội dung của nguyên tắc.</p> <p>4.4.2. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>					
Tuần 6	<p>Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>5.1. Các phương pháp tiếp cận khác</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Học tập hợp tác 	A1.1A1.2	CLO3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại</p> <p>5.1.1. Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.</p> <p>5.1.2. Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.</p> <p>5.1.3. Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.</p>					
Tuần 7	<p>5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>5.2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Câu hỏi chỉ định 	A1.1A1.2	CLO3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>5.2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>5.2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>5.2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.</p> <p>5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>5.3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam</p> <p>5.3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p>					
Tuần 8	Kiểm tra Giữa kỳ		Tiểu luận		A1.3 A1.4	CLO 1-4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 9	<p>Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ</p> <p>6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học</p> <p>6.1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính tr</p> <p>6.1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.</p> <p>6.1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.</p> <p>6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội</p> <p>6.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>6.2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>6.2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận - Bài tập về nhà. 	A1.1A1.2	CLO3
Tuần 10	6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo 	A1.1A1.2	CLO3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>6.3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.2.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.</p>		<p>đề;</p> <p>- Động não</p> <p>- Vấn đáp</p>	<p>luận nhóm</p> <p>- Bài tập về nhà</p>		
Tuần 11	<p>Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội</p> <p>7.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội</p> <p>7.1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội</p> <p>7.2. Vai trò quyết</p>	3/2	<p>- Thuyết trình;</p> <p>- Nêu vấn đề;</p> <p>- Trắc quan</p> <p>- Vấn đáp</p>	<p>- Đọc hiểu</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Bài tập cá nhân</p>	A1.1A1.2	CLO4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>7.2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội</p> <p>7.2.1. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội</p> <p>7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay</p> <p>7.3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay</p> <p>7.3.2. Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.</p>					

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 12	<p>Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI</p> <p>8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử</p> <p>8.1.1. Triết học phương Đông</p> <p>8.1.2. Triết học phương Tây trước Mác</p> <p>8.1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại</p> <p>8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người</p> <p>8.2.1. Khái niệm con người</p> <p>8.2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người</p> <p>8.2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người</p>	3/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Trò chơi 	A1.1A1.2	CLO4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ 1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 13	<p>8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh</p> <p>8.3.1. Quan niệm về con người.</p> <p>8.3.2. Về mục tiêu giải phóng con người.</p> <p>8.3.3. Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.</p> <p>8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>8.4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người</p> <p>8.4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay</p>	3/2	<p>Kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Bài tập cá nhân 	A1.1A1.2	CLO4
Tuần 14	Kiểm tra cuối kỳ		Tự luận	Làm bài tự luận	A2.1	CLO2,3,5

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, không chuyên ngành Triết học)	Nxb Đại học Sư phạm.
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật.
2	Lê Hữu Ái, Nguyễn Tấn Hùng	2010	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo sau đại học không chuyên ngành Triết học)	Nxb Đà Nẵng.
3	Viện thông tin khoa học xã hội	2008	Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại	Nxb Khoa học xã hội

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

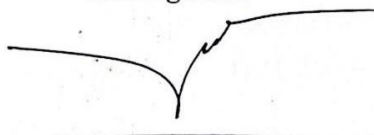
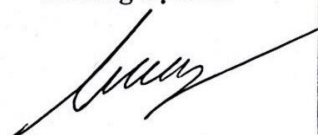
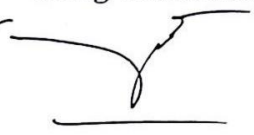
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	- Nghiên cứu Triết học - Thư viện	http://philosophy.vass.gov.vn/	12/04/2022

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
2	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	http://lyluanchinhtri.vn/	12/04/2022
3	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	http://tapchikhxh.vass.gov.vn/	12/04/2022
4	- Thông tin nghiên cứu Khoa học xã hội & nhân văn, - Khoa học giáo dục	https://vass.gov.vn/Pages/Index.aspx	12/04/2022
5	- Lịch sử Biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đảng toàn tập	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	12/04/2022
6	- Thông tin lý luận - Sự kiện, bình luận - Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	https://www.tapchicongsan.org.vn/	12/04/2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3,4,5,6

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

<p>Trưởng khoa</p>  <p>TS. Đinh Thị Phụng</p>	<p>Trưởng bộ môn</p>  <p>TS. Dương Đình Tùng</p>	<p>Giảng viên biên soạn</p>  <p>TS. Đinh Thị Phụng</p>
--	--	---

2. Lí luận dạy học và giáo dục hiện đại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐHQĐHN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành: Thạc sĩ Giáo dục học

Mã số: 8140101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Theory of teaching and modern education
1.3	Mã học phần:	32035076
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Thị Duyên
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS. TS Lê Quang Sơn TS. Lê Thị Hiền
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không

-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Giáo dục học nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức về lý luận dạy học và lý luận giáo dục hiện đại như: Các xu hướng phát triển giáo dục hiện nay; Bản chất, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục hiện nay.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục hiện đại. Qua đó giúp người học có khả năng áp dụng các kiến thức giáo dục học vào hoạt động dạy học và giáo dục, bồi dưỡng và phát triển nhân cách nhà giáo.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức cơ bản về giáo dục và giáo dục học, về những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học và quá trình giáo dục, về đặc điểm lao động sư phạm người giáo viên.

- **CO2:** Có năng lực phát hiện mâu thuẫn trong quá trình dạy học và giáo dục; định hướng tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục

- **CO3:** Có thái độ tích cực vận dụng kiến thức, kỹ năng của học phần giáo dục học vào thực tiễn giáo dục

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được xu hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay
CLO2	Phân tích được các vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục như: bản chất; nguyên tắc; nội dung; phương pháp; hình thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở nhà trường
CLO3	Vận dụng được tri thức học phần để phát hiện mâu thuẫn trong quá trình dạy học và giáo dục; định hướng tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục
CLO4	Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển năng lực người học
CLO5	Tổ chức được các hoạt động dạy học và giáo dục phát triển năng lực người học
CLO6	Đánh giá được kế hoạch và kết quả tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục người học; từ đó điều chỉnh cải tiến kế hoạch dạy học
CLO7	Tích cực vận dụng kiến thức, kỹ năng của học phần giáo lý luận dạy học và giáo dục vào thực tiễn giáo dục;
CLO8	Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện năng lực và phẩm chất nhà giáo

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
		PI2.1	PI2.2	PI3.2	PI3.3		PI5.2		PI7.2
CLO1		R							
CLO2		R							
CLO3		R,A							

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
		PI2.1	PI2.2	PI3.2	PI3.3		PI5.2		PI7.2
CLO4		R,A							
CLO5		R					R		
CLO6			R				R		
CLO7									R
CLO8									M

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Sản phẩm học tập nhóm	R1.3	W1.1 100%	W1 40%	CLO 2,3,4,5,6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tiểu luận	P2.1 Sản phẩm bài tiểu luận	R3.1	W2.1 100%	W2 60%	CLO 2,4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

R1.3. Sản phẩm học tập nhóm

R3.1. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>Chương 1. Xu hướng phát triển giáo dục hiện nay</p> <p>1.1. Xu hướng phát triển giáo dục thế giới và Việt Nam</p> <p>1.2. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục hiện nay</p> <p>1.3. Cấu trúc của quá trình giáo dục</p>	4/1/0	<p>- Giới thiệu chương trình, phương pháp học tập và cách thức kiểm tra đánh giá</p> <p>- Chia nhóm, xây dựng nguyên tắc lớp học</p> <p>- Đánh giá đầu vào môn học của</p>	<p>Học ở lớp:</p> <p>- Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra</p> <p>- Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm</p> <p>- Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận</p> <p>Học ở</p>	A1.1	CLO1,2

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
			học viên thông qua sử dụng kỹ thuật KWL - Thảo luận nhóm	nhà: - Học viên đọc trước tài liệu ở nhà phần nội dung chương 1. - Đọc chương 1 - Tài liệu [1]		
2	Chương 2. Lý luận dạy học hiện đại 1.1. Khái quát những vấn đề chung về lý luận dạy học hiện đại 1.1.1. Các lý thuyết dạy học và mô hình dạy học hiện đại 1.1.2. Khái niệm, bản chất của lý luận dạy học hiện đại	4/1/0	- Sử dụng kỹ thuật nhóm chuyên gia để tìm hiểu nội dung - Trao đổi và trình bày tại lớp	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO2,3, 4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.1.3. Động lực và logic của quá trình dạy học 1.1.4. Các nguyên tắc dạy học					
3	Chương 2. Lý luận dạy học hiện đại 1.2. Nội dung dạy học và phát triển nội dung dạy học 1.2.1. Nội dung dạy học 1.2.2. Phát triển nội dung dạy học	3/2/0	- Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nội dung - Trao đổi và trình bày tại lớp	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO2,3,4,5
4	Chương 2. Lý luận dạy học hiện đại 1.3. Phương pháp dạy học hiện đại 1.3.1. Khái	3/2/0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm (Kỹ thuật bể cá)	Học ở lớp: - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi	A1.1	CLO2,3, 4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	niệm, phân loại các phương pháp dạy học 1.3.2. Phương pháp dạy học 1.3.3. Kỹ thuật dạy học 1.3.4. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học		- Thực hiện phiếu bài tập	- Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu		
5	Chương 2. Lý luận dạy học hiện đại 1.3. Phương pháp dạy học hiện đại 1.3.1. Khái niệm, phân loại các phương pháp dạy học 1.3.2. Phương pháp dạy học 1.3.3. Kỹ thuật dạy học	3/2/0	- Thuyết trình - Đặt câu hỏi và trao đổi trước lớp - Thảo luận nhóm (Kỹ thuật bể cá) - Thực hiện phiếu bài tập	Học ở lớp: - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm	A1.1	CLO2,3,4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.3.4. Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học (tiếp)			Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu		
6	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm	Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	A1.1	CLO2
7	Chương 2. Lý luận dạy học hiện đại 1.4. Hình thức dạy học 1.5. Phương tiện dạy học	3/2/0	- Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả hoạt động nhóm - Thực hành	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày kết quả thảo luận - Thực hành tổ chức Học ở nhà: - Tìm hiểu tài liệu - Đánh giá các	A1.1	CLO2,3,4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				hình thức, phương tiện dạy học		
8	Chương 3: Lý luận giáo dục hiện đại 3.1. Những vấn đề chung về lý luận giáo dục 3.1.1. Các lý thuyết, mô hình giáo dục hiện đại 3.1.2. Khái niệm, đặc điểm của lý luận giáo dục 3.1.3. Nguyên tắc giáo dục hiện đại	4/1/0	- Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Báo cáo kết quả làm việc nhóm	Học ở lớp: - Thực hành - Trình bày kết quả thực hành Học ở nhà: - Chuẩn bị, luyện tập cho nội dung thực hành tiếp theo	A1.1	CLO2,3, 4,6
9	Chương 3: Lý luận giáo dục hiện đại 3.2. Nội dung giáo dục hiện đại 3.3. Phương pháp giáo dục hiện đại	3/2/0	Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Báo cáo kết quả làm việc nhóm	Học ở lớp: - Thực hành - Trình bày kết quả thực hành	A1.1	CLO2,3, 4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	3.3.1.Nhóm phương pháp hình thành ý thức 3.3.2. Nhóm phương pháp hình thành hành vi 3.3. Nhóm phương pháp thay đổi thái độ			Học ở nhà: - Chuẩn bị, luyện tập cho nội dung thực hành tiếp theo		
10	Chương 3: Lý luận giáo dục hiện đại 3.4. Các hoạt động giáo dục trong nhà trường 3.5. Đánh giá kết quả dạy học và giáo dục	3/2/0	- Thảo luận nhóm: Kỹ thuật công đoạn để tìm hiểu các nội dung - Thực hiện bài thu hoạch cá nhân	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày kết quả thảo luận Học ở nhà: - Thực hiện phiếu thu hoạch cá nhân - Chuẩn bị, luyện	A1.1 A1.2. A3.1.	CLO2,3,4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				tập cho nội dung thực hành tiếp theo		
11	Đánh giá cuối kỳ		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A3.1	CLO2,3

8. Tài liệu học tập


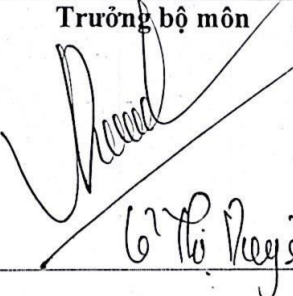
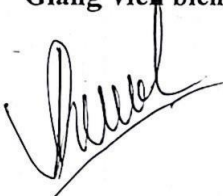
8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường	2016	<i>Lý luận dạy học hiệu đại - một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học</i>	Tài liệu giảng dạy thạc sĩ - Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2018	<i>Chương trình giáo dục phổ thông 2018</i>	
3	Hồ Ngọc Đại	2010	<i>Tâm lý học dạy học</i>	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ
2	Nghiên cứu thực tế tại nơi công tác (Trường PT)	Tài liệu lưu trữ		

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
 TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	 TS. Lê Thị Duyên	 TS. Nguyễn Thị Trâm Anh

3. Quản lý giáo dục trong nhà trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐHQĐN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 8.14.01.01

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Quản lý giáo dục trong nhà trường
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Management education in schools
1.3	Mã học phần:	32035041
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Thực hành loại 1:	15 tiết
-	Thực hành loại 2:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Trần Xuân Bách Email: txbach@ued.udn.vn
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Việt Phú Email: vpheuspdn@gmail.com
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Quản lý Giáo dục
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường như: các khái niệm cơ bản; tính chất và các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường. Đồng thời môn học còn giúp người học có được kiến thức về các văn bản pháp luật nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý giáo dục từ đó giúp người học ý thức được trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng và quản lý giáo dục trong nhà trường. Thông qua đó hình thành cho người học các kỹ năng về quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học viên vận dụng được những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý, quản lý giáo dục, các nguyên tắc quản lý giáo dục trong nhà trường; nội dung, quy trình của hoạt động quản lý giáo dục trong nhà trường; các công cụ, hình thức quản lý giáo dục trong nhà trường. Thông qua đó hình thành cho người học các kỹ năng về quản lý giáo dục trong nhà trường như quản lý học sinh, quản lý trường học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi học xong môn học, người học có:

- **CO1:** Kiến thức cơ bản về quản lý các hoạt động trong nhà trường
- **CO2:** Kỹ năng vận dụng 5 trụ cột quản lý vào quản lý các hoạt động trong nhà trường
- **CO3:** Thái độ khách quan, khoa học đối với công tác quản lý; hình thành tính sẵn sàng đảm nhận vai trò lãnh đạo và quản lý trong nhóm và tập thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phân tích được các khái niệm chính về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường.
CLO2	Phân tích được 5 trụ cột của quản lý giáo dục
CLO3	Vận dụng các trụ cột quản lý vào quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường
CLO4	Xây dựng được kế hoạch thực hiện một hoạt động giáo dục trong nhà trường

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6	PLO7
				PI4.1	PI4.2	PI4.3			PI7.2
CLO1				R					
CLO2				R					
CLO3					R,A	R			
CLO4					R,A	R			R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Sản phẩm học tập nhóm	R1.3	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tiểu luận	P2.1 Sản phẩm bài tiểu luận	R3.1	W2.1 100%	W2 60%	CLO 3,4

6.2. Rubric đánh giá

R1.3. Sản phẩm học tập nhóm

R3.1. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

6.3. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (05 tiết)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề chung về khoa học quản lý và quản lý giáo dục 1.1. Những vấn đề chung về khoa học	4/1/0	Thuyết trình Động não	Đọc tài liệu Thảo luận	A1.1	CLO 1

Tuần/ Buổi (05 tiết)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	quản lý 1.1.1. Bản chất của quản lý 1.1.2. Các chức năng của quản lý 1.1.3. Mục tiêu và động lực trong quản lý					
2	Chương 1. Những vấn đề chung về khoa học quản lý và quản lý giáo dục 1.1.4. Các quy luật và nguyên tắc quản lý 1.1.5. Các phương pháp quản lý 1.1.6. Các công cụ quản lý	4/1/0	Thuyết trình Động não	Đọc tài liệu Thảo luận	A1.1	CLO 1,2
3	Chương 1. Những vấn đề chung về khoa học quản lý và quản lý giáo dục 1.2. Những vấn đề chung về quản lý giáo dục 1.2.1. Một số quan điểm quản lý giáo dục - Quan điểm hiệu quả (Efficiency) - Quan điểm kết quả (Effectiveness)	4/1/0	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Trình bày Thảo luận	A1.1	CLO 1,2,3

Tuần/ Buổi (05 tiết)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm đáp ứng (Responsiveness) - Quan điểm phù hợp (Relevance) 1.2.2. Vận dụng một số mô hình trong quản lý giáo dục <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý dựa vào nhà trường - Quản lý theo kết quả - Quản lý chất lượng tổng thể 					
4	Chương 2: Nhà trường, lãnh đạo và quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường 2.1. Nhà trường, các loại nhà trường 2.2. Sự phát triển của nhà trường qua các thời kỳ lịch sử 2.3. Các chức năng của nhà trường trong thời kỳ hội nhập	4/1/0	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Làm việc nhóm Thảo luận	A1.1	CLO 1,2,3
5	Chương 2: Nhà trường, lãnh đạo và quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường 2.4. Lãnh đạo nhà trường và quản lý nhà trường	4/1/0	Động não Thảo luận	Đọc tài liệu Trình bày Thảo luận	A1.1	CLO 1,2,3

Tuần/ Buổi (05 tiết)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.5. Lãnh đạo và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường					
6	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm	Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	A1.1	CLO1,2,3
7	Chương 3. Quản lý trường học hiệu quả 3.1. Vai trò lãnh đạo và công tác quản lý trường học 3.2. Chiến lược phát triển trường học	4/1/0	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Làm việc nhóm Trình bày Thảo luận	A1.1	CLO 3,4
8	Chương 3. Quản lý trường học hiệu quả 3.3. Hợp tác trong công tác quản lý 3.4. Quản lý quá trình cải tiến nhà trường 3.5. Quản lý quá trình thực hiện và công tác kiểm tra giám sát.	4/1/0	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Làm bài tập thực hành và báo cáo	A1.1	CLO 3,4
9	Chương 3. Quản lý trường học hiệu quả 3.6. Xây dựng kế	3/2/0	Động não Thảo	Đọc tài liệu Trình	A1.1	CLO 3, 4

Tuần/ Buổi (05 tiết)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	hoạch quản lý hoạt động giáo dục nhà trường		luận Thực hành	bày Thảo luận		
10	Chương 3. Quản lý trường học hiệu quả 3.6. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục nhà trường (tiếp) 3.7. Đánh giá hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục nhà trường	3/2/0	Động não Thảo luận Thực hành	Đọc tài liệu Làm việc nhóm Thảo luận	A1.1	CLO 3, 4
11	Đánh giá cuối kỳ		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A3.1	CLO3,4

8. Học liệu

8.1.Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Trần Xuân Bách	2020	Quản lý giáo dục trong nhà trường	Bài giảng
2	Đặng Quốc Bảo, Trần Xuân Bách, Ngô Thanh Hương	2021	Lãnh đạo- Quản lý - Quản trị Trường mầm non - Trường Tiểu học - Trường Trung học trong bối cảnh đổi mới	NXB Thông tin và Truyền thông 2021

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	2012	Quản lý giáo dục một số vấn đề về lý luận và thực tiễn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. H 2012.
2	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	2017	Quản lý và lãnh đạo nhà trường thế kỷ 21	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2009
3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Chủ biên)- Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Trọng Hậu - Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Sỹ Thu	2012	Quản lý giáo dục: lý luận và thực tiễn.	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. H 2012.

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

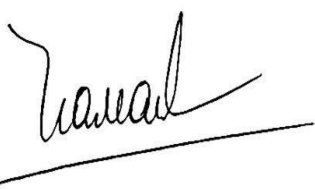
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Các phòng học A5, B3	Máy tính, máy chiếu	01	Tất cả các bài học

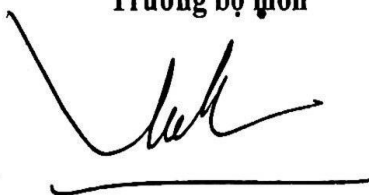
Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa



TS Nguyễn Thị Trâm Anh

Trưởng bộ môn



PGS.TS Trần Xuân Bách

Giảng viên biên soạn



PGS.TS Trần Xuân Bách

4. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐHQG HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 8140101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Research methods of education sciences
1.3	Mã học phần:	32035088
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS. TS Lê Quang Sơn
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học và giáo dục đặc biệt
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	

-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (NCKHGD) cung cấp cho người học những vấn đề khái quát chung về NCKH và NCKHGD, giới thiệu hệ thống các phương pháp nghiên cứu (PPNC), quy trình thực hiện một đề tài NCKHGD; hình thành những kỹ năng cơ bản của NCKHGD như xác định đề tài; xây dựng đề cương nghiên cứu; lựa chọn và sử dụng các PPNC; thiết kế tài liệu nghiên cứu, xử lý thông tin khoa học; viết luận văn khoa học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về NCKHGD, từ đó người học có thể xây dựng và triển khai được một đề tài NCKH trong lĩnh vực giáo dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Kiến thức cơ bản về NCKH và NCKHGD
- **CO2:** Kỹ năng thực hiện các khâu của tiến trình NCKHGD
- **CO3:** Thái độ khách quan, trung thực trong hoạt động NCKH.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản của nghiên cứu KHGD: khái niệm; các yêu cầu đối với một nghiên cứu KHGD; các cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu; các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu KHGD.
CLO2	Xác định được các vấn đề nghiên cứu, phát biểu thành tên đề tài nghiên cứu thuộc KHGD.
CLO3	Xây dựng được đề cương nghiên cứu cho đề tài.
CLO4	Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp nghiên cứu, thiết kế được các công cụ nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu để thu thập và xử lý thông tin, số liệu nghiên cứu.
CLO5	Phân tích và trình bày được kết quả nghiên cứu; bước đầu thử nghiệm, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn giáo dục.
CLO6	Có năng lực làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu KHGD.
CLO7	Hình thành thái độ khách quan, trung thực trong nghiên cứu, đánh giá và tự đánh giá một đề tài nghiên cứu KHGD; thể hiện mong muốn áp dụng được các kết quả nghiên cứu KHGD vào đổi mới giáo dục.
CLO8	Ứng dụng các phần mềm thống kê và phần mềm CNTT phục vụ cho hoạt động nghiên cứu; sử dụng ngoại ngữ cho việc tìm kiếm, phân tích và tổng hợp tài liệu nghiên cứu

3. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5			PLO6		PLO7
					PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	
CLO1					R					
CLO2					M,A					

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5			PLO6		PLO7
					PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI6.2	
CLO3						M,A				
CLO4						M,A				
CLO5							R,A			
CLO6								R		
CLO7							R			
CLO8								R	R	

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

5. Đánh giá học phần

5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Sản phẩm học tập nhóm	R1.3	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3,4
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tiểu luận	P2.1 Sản phẩm bài tiểu luận	R3.1	W2.1 100%	W2 60%	CLO 2,3,4,5

5.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6. Rubric đánh giá

R1.3. Sản phẩm học tập nhóm

R3.1. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Giới thiệu học phần 1. Khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học	5/5/0	Thuyết trình Động não	Đọc tài liệu Thảo luận	A1.1	CLO 1
2	2. Đề tài NCKHGD 2.1. Khái niệm đề tài NCKH 2.2. Đặc điểm đề tài KHGD 2.3. Xác định đề tài NCKHGD	5/4/1	Thuyết trình Động não Thảo luận	Đọc tài liệu Thảo luận	A1.1	CLO 1,2
3	3. Xây dựng giả thuyết khoa học (GTKH) và tổ chức kiểm chứng GTKH	5/2/3	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Trình bày Thảo luận	A1.1 A1.2	CLO 1,2,3

4	4. Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu lý thuyết trong NCKHGD	5/3/2	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Làm việc nhóm Thảo luận	A1.1 A1.2	CLO 4
5	5. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn	10/2/8	Động não Thảo luận Thực hành	Đọc tài liệu Trình bày Thảo luận	A.1.2	CLO 4,5
6	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm	Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	A1.1	CLO1,2,3
7	6. Xử lý số liệu nghiên cứu	5/1/4	Thuyết trình Động não Tổ chức học tập theo nhóm	Đọc tài liệu Làm việc nhóm Trình bày Thảo luận	A1.1 A1.2	CLO 5
8	7. Tiến trình thực hiện một đề tài NCKHGD	5/3/2	Thuyết trình Động não	Đọc tài liệu Làm việc nhóm	A1.1 A1.2	CLO 1,2,3, 4,5
9,10	8. Xây dựng đề cương nghiên cứu	10/2/8	Triển khai các bài tập thực hành	Làm bài tập thực hành và báo cáo	A2	CLO 3
11	9. Viết luận văn khoa học 10. Đánh giá công trình	5/4/1	Thuyết trình Thảo luận	Đọc tài liệu Trình bày Thảo luận	A1.2	CLO 5

	NCKHGD Công bố kết quả nghiên cứu Đạo đức nghiên cứu					
12	Đánh giá GK		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A3.1	CLO2,3
11	Đánh giá cuối kỳ		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A3.1	CLO2,3,4,5

8. Tài liệu học tập



8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Quang Sơn	2021	Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Bài giảng, Trường ĐHSP-ĐHĐN
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Vũ Cao Đàm	2002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
3	Hoàng Chúng	1997	Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục	Nxb. Giáo dục
4	Phạm Viết Vượng	1997	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội
5	Frederic J. Gravetter, Larry B. Wallnau	1992	Statistics for the behavioral sciences	3th ed., West publishing com., N.Y., 1992

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ
2	Nghiên cứu thực tế tại nơi công tác (Trường PT)	Tài liệu lưu trữ		

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

<p>Trưởng khoa</p>  <p>TS. Nguyễn Thị Trâm Anh</p>	<p>Trưởng bộ môn</p> 	<p>Giảng viên biên soạn</p> <p>PGS.TS Lê Quang Sơn</p>
---	--	--

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 8140101
 Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Psychological basis of educational activities
1.3	Mã học phần:	32035005
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS. TS. Lê Quang Sơn
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học và giáo dục đặc biệt
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Giáo dục học nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức về các cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục nói chung: Giáo dục đạo đức, giáo dục thái độ và giá trị sống; các hoạt động giáo dục trong dạy học và kiến tạo môi trường học tập, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm học tập cộng đồng. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục hiện nay tại các cấp học khác nhau của hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học viên học xong học phần này có thể có kiến thức chuyên sâu về cơ sở tâm lý học của các hoạt động giáo dục trong nhà trường, có năng lực vận dụng các cơ sở tâm lý của hoạt động dạy, hoạt động giáo dục và hoạt động học của học sinh, từ đó xây dựng được các biện pháp giúp cho hoạt động dạy học và giáo dục đạt được hiệu quả trong thực tiễn; đồng thời thể hiện được thái độ tích cực trong hoạt động trau dồi phẩm chất và năng lực của nhà giáo dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có hệ thống tri thức về cơ sở tâm lý học của các hoạt động giáo dục trong nhà trường, từ đó có cái nhìn toàn diện và sâu sắc của toàn bộ quá trình hoạt động giáo dục trong nhà trường dưới góc độ tâm lý học
- **CO2:** Có năng lực vận dụng các cơ sở tâm lý học trong hoạt động dạy học và kiến tạo lớp học, hoạt động giáo dục đạo đức, thái độ và giá trị sống, hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, giáo dục trải nghiệm học tập cộng đồng, từ đó thành công trong hoạt động giáo dục toàn diện nhân cách học sinh.
- **CO3:** Thể hiện hành vi đạo đức nghề tham vấn trong môi trường học đường; có kỹ năng làm việc nhóm và quản trị hoạt động tham vấn học đường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày và phân tích các lý thuyết tâm lý cơ bản ứng dụng trong hoạt động giáo dục và dạy học
CLO2	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục dựa trên đặc điểm tâm lý học sinh
CLO3	Phân tích được cơ sở tâm lý của hoạt động học, hoạt động dạy và quản lý hành vi lớp học
CLO4	Xây dựng các biện pháp giáo dục động cơ, thái độ và giá trị sống, đạo đức và các kỹ năng, kỹ xảo cho người học
CLO5	Xây dựng hình ảnh nhân cách người giáo viên trong hoạt động dạy học và giáo dục
CLO6	Thể hiện được thái độ tích cực, hợp tác nhóm trong học tập và xây dựng kế hoạch phát triển bản thân là nhà giáo dục

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI2.2		PI4.1.	PI4.2.	PI4.3		PI6.1	PI6.2.	PI6.3	PI7.1.	PI7.2
CLO 1	R,A												
CLO 2			R										
CLO3			R										
CLO4			R										
CLO5			R										
CLO6												R	

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- *M (Mastery)* – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- *A (Assessed)* – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Thảo luận nhóm	R1.3 R1.4	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,3, 4,6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 2, 5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (5 tiết)</p> <p>1.1. Khái niệm Tâm lý học giáo dục</p> <p>1.1.1. Khái niệm giáo dục và dạy học</p> <p>1.1.2. Khái niệm tâm lý học giáo dục</p> <p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giáo dục</p> <p>1.2.1. Đối tượng</p> <p>1.2.2. Nhiệm vụ</p> <p>1.2.3. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học giáo dục</p>	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.	A1.1	CLO 1, 6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>1.3. Các lý thuyết tâm lý học cơ bản áp dụng trong giáo dục</p> <p>1.3.1. Lý thuyết hành vi và dạy học</p> <p>a. Lý thuyết hành vi cổ điển</p> <p>b. Lý thuyết hành vi tạo tác</p> <p>c. Lý thuyết hành vi nhận thức của E.C. Tolman</p> <p>d. Lý thuyết học tập xã hội của Bandura</p> <p>1.3.2. Lý thuyết tâm lý học của Pyaget về dạy học</p> <p>1.3.3. Lý thuyết tâm lý học hoạt động</p>					
2	<p>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC</p> <p>2.1. Hoạt động dạy học</p> <p>2.1.1. Khái niệm hoạt động dạy</p>	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV;	A1.1	CLO 1, 3, 6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.1.2. Tổ chức hoạt động dạy học 2.2. Các định hướng trong hoạt động dạy học 2.2.1. Dạy học và sự phát triển nhận thức của học sinh 2.2.2. Dạy học và sự phát triển trí tuệ học sinh 2.2.3. Dạy học theo định hướng người thầy 2.2.4. Dạy học theo định hướng người học			Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.		
3	CHƯƠNG 3. CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG HỌC 3.1. Hoạt động học 3.1.1. Khái niệm hoạt động học 3.1.2. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động học 3.1.3. Các lý thuyết tâm lý học và mô hình học tập	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.	A1.1	CLO 1,3,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
4	<p>CHƯƠNG 3. CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG HỌC</p> <p>3.2. Hình thành hoạt động học cho học sinh trong hoạt động dạy học</p> <p>3.2.1. Hình thành động cơ, hứng thú học tập</p> <p>3.2.2. Hình thành hành động học tập và mục đích của học tập</p> <p>3.2.3. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo</p> <p>3.2.4. Hình thành khái niệm, tri thức</p>	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.	A1.1	CLO 1,3,6
5	<p>CHƯƠNG 4. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THÁI ĐỘ, GIÁ TRỊ SỐNG VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC</p> <p>4.1. Giáo dục hình thành thái độ</p>	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm;	A1.1	CLO 1,4,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	4.1.1. Khái niệm thái độ 4.1.2. Đặc điểm 4.1.3. Chức năng và các thành tố của thái độ 4.1.4. Sự hình thành thái độ 4.2. Giáo dục giá trị sống 4.2.1. Khái niệm giá trị sống, định hướng giá trị 4.2.2. Chiến lược hình thành giá trị và định hướng giá trị trong trường học 4.2.3. Các giá trị cần hình thành cho người học			Đọc tài liệu 1, 2, 3.		
6	CHƯƠNG 4. CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THÁI ĐỘ, GIÁ TRỊ SỐNG VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV;	A1.1	CLO 1,4,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	4.2. Giáo dục đạo đức 4.2.1. Đạo đức và hành vi đạo đức 4.2.2. Một số lý thuyết tâm lý về phát triển đạo đức trẻ em 4.2.3. Hình thành hành vi và thói quen đạo đức cho học sinh			Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.		
7	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm		A1.3	CLO 1,3,4,6
8	CHƯƠNG 5. CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA QUẢN LÝ LỚP HỌC HIỆU QUẢ 5.1. Lớp học và quản lý lớp học 5.1.1. Lớp học 5.1.2. Các yếu tố tâm lý xã hội phổ biến trong tập thể lớp học 5.2. Quản lý lớp học 5.2.1. Quản lý lớp học là gì?	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.	A1.1.	CLO 4,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	5.2.2. Mục tiêu quản lý lớp học 5.2.3. Nội dung quản lý lớp học 5.2.4. Các phương pháp quản lý lớp học 5.3. Xây dựng môi trường học tập tích cực 5.3.1. Xây dựng không gian học tập 5.3.2. Sắp xếp vị trí chỗ ngồi 5.3.3. Xác lập quy tắc ứng xử trong lớp học 5.3.4. Thiết lập kỷ luật lớp học					
9	CHƯƠNG 5. CƠ SỞ TÂM LÝ CỦA QUẢN LÝ LỚP HỌC HIỆU QUẢ 5.4. Duy trì môi trường học tập tích cực 5.4.1. Bao quát lớp học 5.4.2. Kỷ luật tích cực	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận	A1.1.	CLO 4,5,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	5.4.3. Chiến lược tạo động lực học tập 5.4.4. Kết nối các mối quan hệ tích cực 5.4.5. Hình thành tính tự quản của lớp học 5.5. Khác biệt văn hoá trong môi trường học tập 5.5.1. Khác biệt văn hoá trong lớp học 5.5.2. Xây dựng lớp học tôn trọng khác biệt văn hoá và hoà đồng về văn hoá. CHƯƠNG 6. GIÁO DỤC NGƯỜI HỌC THÔNG QUA HÌNH ẢNH NHÂN CÁCH CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN 6.1. Yêu cầu đối với người giáo viên hiện nay			nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.		

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	6.1.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên 6.1.2. Các con đường để hình thành nhân cách nhà giáo 6.2. Các phẩm chất nhân cách của nhà giáo 6.3. Năng lực dạy học và giáo dục					
10	CHƯƠNG 7. KHÁC BIỆT TÂM LÝ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÁ NHÂN 7.1. Nhận diện và đánh giá tâm lý cá nhân học sinh 7.1.1. Sự khác biệt giữa người học và nhu cầu học tập 7.1.2. Nhận diện tiềm năng của học sinh: phẩm chất, năng lực và các khả năng học tập 7.2. Xây dựng kế	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm; Đọc tài liệu 1, 2, 3.	A1.1.	CLO 2, 5, 6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	hoạch giáo dục cá nhân học sinh 7.2.1. Căn cứ tâm lý học để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân 7.2.2. Thiết lập kế hoạch giáo dục cá nhân 7.3. Hoạt động hỗ trợ tâm lý trong giáo dục cá nhân học sinh 7.3.1. Những vấn đề chung về hỗ trợ tâm lý trong trường học 7.3.2. Các khó khăn tâm lý của học sinh và hoạt động hỗ trợ tâm lý 7.3.3. Các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý căn bản 7.3.4. Các hình thức hỗ trợ tâm lý cá nhân					
11	Thi hết môn		Tiểu luận		A2.1.	CLO 1 2, 5

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Phạm Thành Nghị	2013	Tâm lý học giáo dục	NXB. ĐHQG Hà Nội
2	Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Quốc Thành, Nguyễn Thị lệ Thu	2021	Giáo trình Tâm lý học giáo dục	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội
3	Nguyễn Thị Trâm Anh	2022	Tài liệu bài giảng Cơ sở tâm lý của hoạt động giáo dục	Khoa Tâm lý- Giáo dục, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Lê Quang Sơn, Nguyễn Thị Trâm Anh, Bùi Thị Thanh Diệu, Lê Mỹ Dung, Hồ Thị Thuý Hằng, Phạm Thị Mơ, Lê Thị Phi, Tô Thị Quyên, Nguyễn Thị Phương Trang	2019	Giáo trình Tâm lý học giáo dục	NXB Đà Nẵng
5	Anita Woolfolk	2014	Tâm lý học giáo dục	Đại học Sư phạm Hà Nội
6	Lê Quang Sơn	2011	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	NXB Lao động
7	Phan Trọng Ngo, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi	2000	Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học	NXB Đà Nẵng

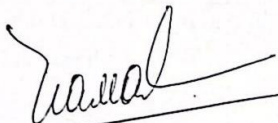
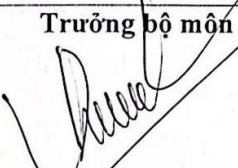

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Cách thức tham vấn hiệu quả cho trẻ và gia đình	https://tamlyhochiendai.com	20/07/2021
2	Các lý thuyết về tham vấn	gocnhintamlyhoc.wordpress.com	20/07/2021

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa  TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Trưởng bộ môn  TS. Lê Thị Duyên	Giảng viên biên soạn  TS. Nguyễn Thị Trâm Anh
---	---	--

6. Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hoá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐHQG
KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành: Thạc sĩ Giáo dục học

Mã số: 8140101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Education in the context of internationalization
1.3	Mã học phần:	32035021
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bùi Việt Phú
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Hà Văn Hoàng
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học và giáo dục đặc biệt
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ GDH, nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về thực trạng, nhu cầu và xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và giáo dục Việt Nam nói riêng trong bối cảnh quốc tế hóa hiện nay. Từ đó chỉ ra các quan điểm chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của Việt Nam trong giai đoạn trước mắt và định hướng chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam trong thập niên tới.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học viên nắm được cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục.; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới nói chung và xu thế phát triển giáo dục Việt Nam nói riêng. Nắm được các quy luật phát triển giáo dục. Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức về cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục, các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục; các yếu tố ảnh hưởng đến xu thế phát triển giáo dục thế giới.

- **CO2:** Có hiểu biết xu thế phát triển giáo dục của một số nước trên thế giới; hiểu biết về một số mô hình giáo dục tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường.

- **CO3:** Hiểu biết về cơ chế quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và định hướng và giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- **CO4:** Có khả năng vận dụng những quy luật khách quan để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phân tích được xu thế phát triển giáo dục trên thế giới và Việt Nam
CLO2	Trình bày được các mô hình giáo dục tiêu biểu hiện nay
CLO3	Phân tích được các cơ chế quản lý giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN
CLO4	Phân tích được các chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam và các giải pháp đổi mới, phát triển giáo dục Việt Nam
CLO5	Vận dụng được các tri thức học phần để phân tích, đánh giá thực tiễn giáo dục và xu hướng phát triển giáo dục của địa phương, đơn vị
CLO6	Hình thành kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập và hỗ trợ đồng nghiệp trong thực tiễn giáo dục
CLO7	Tích cực, chủ động trong hoạt động nghề nghiệp và rèn luyện phẩm chất nhà giáo

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO4	PLO5	PLO5	PLO6	PLO7
	PI1.2	PI2.1					PI7.1
CLO1	R,A						
CLO2	R						
CLO3	R						
CLO4	R,A						
CLO5		R					
CLO6							R
CLO7							R

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Sản phẩm học tập nhóm	R1.1 R1.3 R1.4	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tiểu luận	P2.1 Sản phẩm bài tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W2 60%	CLO 1,4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

R1.3. Sản phẩm học tập nhóm

R2.1. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục 1.1. Mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục 1.2. Những quan điểm hiện đại về vị trí, vai trò của GD-ĐT đối với sự phát triển KT-XH	4/1/0	- Giới thiệu chương trình, phương pháp học tập và cách thức kiểm tra đánh giá - Chia nhóm, xây dựng nguyên tắc lớp học - Thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận Học ở nhà: - Học viên đọc trước tài liệu ở nhà phần nội dung	A1.1	CLO1

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				chương 1. - Đọc chương 1 - Tài liệu [1]		
2	Chương 1. Cơ sở khoa học của xu thế phát triển giáo dục 1.3. Cơ sở thực tiễn – xã hội của xu thế phát triển giáo dục 1.4. Những vấn đề đặt ra cho giáo dục trong thời đại ngày nay	4/1/0	- Thảo luận nhóm - Trao đổi và trình bày tại lớp	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO1,2
3	Chương 2: Xu thế phát triển giáo dục thế giới 2.1. Khái quát những cuộc cải cách giáo dục trên thế giới	3/2/0	- Thảo luận nhóm - Trao đổi và trình bày tại lớp - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm - Thực hành	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO1,6

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
4	Chương 2: Xu thế phát triển giáo dục thế giới 2.2. Xu thế phát triển giáo dục thế giới đầu thế kỷ XXI	3/2/0	- Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nội dung - Trao đổi và trình bày tại lớp - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO1,2,6
5	Chương 2: Xu thế phát triển giáo dục thế giới 2.3. Cải cách giáo dục ở một số nước trên thế giới và khu vực	3/2/0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thực hiện phiếu bài tập - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO1,2,6
6	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm	Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	A1.3	CLO1,2,3

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
7	Chương 3: Phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế 3.1. Một số vấn đề cơ bản về phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường	3/2/0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO3,4,5
8	Chương 3: Phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế 3.2. Tác động của kinh tế thị trường đối với giáo dục 3.3. Một số mô hình tiêu biểu trong nền kinh tế thị trường	3/2/0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO3,4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
9+10	Chương 3: Phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế 3.4. Phát triển GD-ĐT Việt Nam trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	3/2/0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo kết quả thảo luận nhóm - Thực hành	Học ở lớp: - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm Học ở nhà: - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu	A1.1	CLO3,4,5
11	Đánh giá cuối kỳ		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A2.1	CLO1,4

8. Tài liệu học tập

8.1.Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo


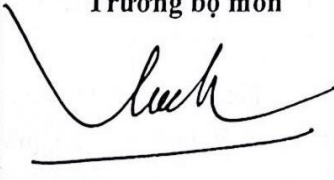

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bùi Việt Phú Lê Quang Sơn	2019	Xu thế phát triển giáo dục (Giáo trình sau đại học)	NXB GD Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đặng Quốc Bảo	2009	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục</i>	NXBGDVN
3	Ikeda Daisaku	2013	<i>Thế kỷ 21 Ánh sáng giáo dục</i>	NXB CTQG Hà Nội

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
4	Lữ Đạt - Chu Mãn Sinh	2010	<i>Cải cách giáo dục ở Mỹ</i> (quyển 1-4)	NXBGD Việt Nam,
5	Vũ Ngọc Hải (chủ biên)	2003	<i>Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI</i>	NXBGD
6	Raja Roy Singh	1994	<i>Nền giáo dục cho thế kỷ XXI: những triển vọng của Châu Á – Thái Bình Dương</i>	Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
7	Beauchamp, E.R.ed	1991	The development of Japanese Education Policy, 1945-1985.	Education Quarterly 27 (3): 46-47.
8	Fang Y & Zhu, Y.	2006	Reform and Development of Teacher Education in China in the New Century	National Institute of Education, Singapore.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ
2	Nghiên cứu thực tế tại nơi công tác (Trường PT)	Tài liệu lưu trữ		

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2022

Trưởng khoa  TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Trần Xuân Bách	Giảng viên biên soạn  TS. Bùi Việt Phú
---	---	---

7. Lịch sử các tư tưởng giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA TÂM LÝ – GIÁO DỤC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 8140101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học Định hướng ứng dụng & nghiên cứu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lịch sử các tư tưởng giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Ideas History of Education
1.3	Mã học phần:	32035092
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	135 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bùi Việt Phú
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Lê Quang Sơn
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không

-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Môn học này được giảng dạy nhằm trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản và có hệ thống lịch sử giáo dục thế giới và Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của các triết lý và tư tưởng giáo dục gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội và các nền văn minh trên thế giới. Trên cơ sở đó trình bày tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh - sự kết tinh của các giá trị văn hóa-giáo dục truyền thống và hiện đại của Phương Đông và Phương Tây. Việc vận dụng những nội dung cơ bản của các tư tưởng giáo dục trong đổi mới giáo dục ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Hình thành và phát triển ở người học hệ thống tri thức khoa học về tư tưởng giáo dục trong các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại, đặc biệt là trong quá trình phát triển của các nền văn minh Phương Đông và Phương Tây. Phát triển kỹ năng nhìn nhận và phân tích, giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục dựa trên các tư tưởng giáo dục từ thời cổ đại đến hiện đại.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Hiểu và phân tích được một số vấn đề cơ bản về cơ sở triết học của giáo dục, các cách tiếp cận khi nghiên cứu lịch sử các tư tưởng giáo dục.
- **CO2:** Phân tích được quá trình phát triển các tư tưởng giáo dục qua các thời kỳ lịch sử từ cổ đại đến hiện đại, tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh thông qua một số tư tưởng tiêu biểu trong các thời kỳ.
- **CO3:** Vận dụng các tư tưởng giáo dục trong phân tích, đánh giá, liên hệ thực tiễn và quản lý giáo dục Việt Nam hiện nay trong quá trình đổi mới và phát triển.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được hệ thống tri thức khoa học về tư tưởng giáo dục trong các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại
CLO2	Phân tích được lịch sử phát triển của giáo dục thế giới và Việt Nam
CLO3	Phân tích được nguồn gốc hình thành và phát triển tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh, tính độc đáo và giá trị của tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh
CLO4	Phân tích được một số tư tưởng phát triển giáo dục hiện đại, các mối quan hệ cơ bản trong phát triển giáo dục hiện nay
CLO5	Vận dụng các tư tưởng giáo dục trong phân tích, đánh giá, liên hệ thực tiễn và quản lý giáo dục Việt Nam hiện nay trong quá trình đổi mới và phát triển
CLO6	Hình thành kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn giáo dục
CLO7	Tích cực trong rèn luyện phẩm chất và năng lực nhà giáo

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Bài tập nhóm	P1.1. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	R1.1	W1.1	W1 0.2	CLO 1, 2,3,4
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R2.2	W2.1	W2 0.2	CLO2,3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	A3.1 Tiểu luận	R2.1	W3.1	W3. 0.6	CLO 1,2,3,4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi 1 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về cơ sở triết học của giáo dục 1.1. Sự cần thiết nghiên cứu triết học giáo dục 1.2. Những khái niệm liên quan 1.3. Các cách tiếp cận nghiên cứu lịch sử các tư tưởng giáo dục 1.4. Triết lý giáo dục UNESCO thế kỷ 21	4/1/0	Thuyết trình, Phát vấn Thảo luận nhóm	Lắng nghe Trả lời Thảo luận nhóm	A1.1, A1.2	CLO 1, 2
2 - 5	Chương 2: Lịch sử phát triển các tư tưởng giáo dục thế giới 3.1. Các tư tưởng giáo dục thời cổ đại	4/1/0 3/2/0 3/2/0	Thuyết trình, Phát vấn Thảo luận nhóm	Lắng nghe Trả lời Thảo luận nhóm		

Tuần/ Buổi 1 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	3.2. Các tư tưởng giáo dục thời trung cổ 3.3. Các tư tưởng giáo dục thời cận đại 3.4. Các tư tưởng giáo dục thời hiện đại 3.5. Tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh					
6	Đánh giá giữa kỳ			Tự luận	A2.2	CLO2,3
7 - 8	Chương 3: Vận dụng các tư tưởng giáo dục vào sự nghịệp đổi mới giáo dục Việt Nam 3.1. Vận dụng sáng tạo các tư tưởng giáo dục vào hoàn cảnh của đất nước 3.2. Liên hệ thực tiễn việc đổi mới phương pháp dạy học Hướng dẫn ôn tập, viết tiểu luận kết thúc học phần	3/2/0 3/2/0	Thuyết trình, Phát vấn Thảo luận nhóm	Lắng nghe Trả lời Thảo luận nhóm	A1.1	CLO1,2, 3,4
9	Kiểm tra cuối kỳ			Tiểu luận	A2.1	CLO 4, 5

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, giáo trình chính				
1	Bùi Việt Phú	2019	<i>Lịch sử các tư tưởng giáo dục</i>	Nxb Thông tin và Truyền thông.
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đặng Quốc Bảo	2009	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục</i>	NXBGD Việt Nam
3	Phan Trọng Báu	2006	<i>Giáo dục Việt Nam thời cận đại</i>	NXB Giáo dục
4	Lê Văn Giăng	2003	<i>Lịch sử giản lược hơn 1000 năm giáo dục Việt Nam</i>	NXBCTQG Hà Nội
5	Phạm Minh Hạc	2013	<i>Triết lý giáo dục Thế giới và Việt Nam</i>	NXBCTQG Hà Nội.
6	UNESCO	2005	<i>Chân dung những nhà cách giáo dục tiêu biểu</i>	NXB Thế giới
7	Nguyễn Hiến Lê	2002	<i>Khổng Tử</i>	NXB Văn hóa thông tin
8	Bùi Thanh Quát (CB)	1999	<i>Lịch sử triết học</i>	NXB Giáo dục
9	Thái Duy Tuyên	2007	<i>Triết học giáo dục Việt Nam</i>	NXBĐHSP Hà Nội
10	Jacques Delors	1996	<i>Learning The Treasure Within (Học tập: Một kho báu tiềm ẩn)</i>	UNESCO Publishing
11	Timothy Reagan	2001	<i>Philosophy of education</i>	The Encyclopedia Americana International Edition

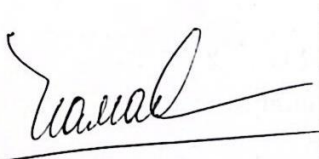
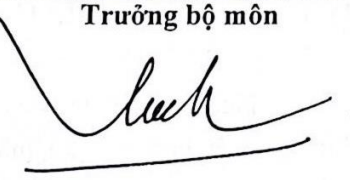

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	The History of Educational Ideas and the Credibility of Philosophy of Education	https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1111/j.1469-5812.1998.tb00312.x?journalCode=rept20	15/4/2022
2	Review: History of Educational Ideas	https://www.jstor.org/stable/1080584	27/4/2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Các phòng học A5, B3, A1, A6, Phòng thực hành A5-308	-Máy tính, máy chiếu, loa - Giấy A0, A4, bút dạ, băng keo	01	Tất cả các bài học

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

<p>Trưởng khoa</p>  <p>TS. Nguyễn Thị Trâm Anh</p>	<p>Trưởng bộ môn</p>  <p>PGS.TS. Trần Xuân Bách</p>	<p>Giảng viên biên soạn</p>  <p>TS. Bùi Việt Phú</p>
---	---	---

8. Giáo dục học so sánh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA TÂM LÝ-GIÁO DỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng ứng dụng & nghiên cứu

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Giáo dục học so sánh
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Comparative education
1.3	Mã học phần:	32035018
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Hoàng Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Lê Thị Hiền
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	- Lý luận dạy học và giáo dục hiện đại. - Giáo dục trong bối cảnh quốc tế hóa.
-	Học phần song hành:	

1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Giáo dục học so sánh là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này tập trung trang bị cho học viên cơ sở lý luận và kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu giáo dục so sánh; phương pháp phân tích, so sánh hệ thống giáo dục của Việt Nam với hệ thống giáo dục các nước; phương pháp phân tích, lựa chọn hệ thống chỉ số và lựa chọn các nước để thực hiện so sánh trình độ phát triển giáo dục.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

- Về kiến thức: học viên trình bày được những vấn đề chung của Giáo dục học so sánh, kỹ thuật so sánh giáo dục, nội dung so sánh hệ thống giáo dục và so sánh trình độ phát triển giáo dục của các nước.

- Về kỹ năng: học viên vận dụng kiến thức để thực hiện so sánh hệ thống giáo dục và trình độ phát triển giáo dục của các nước, so sánh trình độ phát triển giáo dục của các địa phương với nhau.

- Về thái độ: người học tích cực rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhà giáo; có ý thức tham gia xây dựng và phát triển giáo dục của cộng đồng.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Trình bày được các quan niệm về giáo dục so sánh, phương pháp nghiên cứu giáo dục so sánh, khái niệm kỹ thuật so sánh, nội dung so sánh hệ thống giáo dục và nội dung so sánh trình độ phát triển giáo dục của các nước.

- **CO2:** Mô tả được các hệ thống phân loại tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục, các loại chỉ số giáo dục, các dạng trình bày số liệu giáo dục, các nguồn số liệu thống kê.

- **CO3:** Trình bày được sự ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế - xã hội đến quá trình phát triển hệ thống giáo dục của các nước, phân tích lựa chọn hệ thống chỉ số và lựa chọn các nước để so sánh trình độ phát triển giáo dục.
- **CO4:** Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện so sánh sự phát triển giáo dục của địa phương mình với các địa phương khác theo các chỉ số giáo dục.
- **CO5:** Thiết kế được quy trình so sánh hệ thống giáo dục của Việt Nam và hệ thống giáo dục của một số nước.
- **CO6:** Xây dựng được khung tiêu chí so sánh trình độ phát triển giáo dục của Việt Nam với một số nước.
- **CO7:** Hình thành được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá trong thực tiễn giáo dục
- **CO8:** Hình thành được thái độ tích cực tham gia xây dựng và phát triển giáo dục của cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được những vấn đề chung của Giáo dục học so sánh, kỹ thuật so sánh giáo dục, nội dung so sánh hệ thống giáo dục và so sánh trình độ phát triển giáo dục của các nước.
CLO2	Mô tả được hệ thống phân loại tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục, các chỉ số giáo dục với tư cách là công cụ để thực hiện so sánh giáo dục, các dạng trình bày số liệu giáo dục, các nguồn số liệu thống kê.
CLO3	Phân tích được các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quá trình phát triển hệ thống giáo dục của các nước, phân tích lựa chọn hệ thống chỉ số và lựa chọn các nước để so sánh trình độ phát triển giáo dục.
CLO4	Vận dụng kiến thức đã học trong học phần để thực hiện so sánh các chỉ số giáo dục của trường mình, địa phương mình với những trường khác, địa phương khác.

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO5	Thiết kế và tổ chức thực hiện quy trình so sánh hệ thống giáo dục của Việt Nam và hệ thống giáo dục của một số nước.
CLO6	Xây dựng được khung tiêu chí so sánh trình độ phát triển giáo dục của Việt Nam với một số nước.
CLO7	Hình thành năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá trong thực tiễn giáo dục.
CLO8	Chủ động, tích cực rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhà giáo; tham gia xây dựng và phát triển giáo dục của cộng đồng.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO 1	R						
CLO 2	R						
CLO3	R						
CLO4				R,A			
CLO5				R,A			
CLO6				R,A			
CLO7					R		
CLO 8					R		

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- *M (Mastery)* – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- *A (Assessed)* – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập ngắn trên lớp	P1.1. Trình bày tại lớp/ Trắc nghiệm	R1.1	W1.1	W1 20	CLO 1
	A1.2 Báo cáo mô tả bài tập nhóm	P1.2. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	R1.2	W1.2		CLO 1, 2, 4
	A1.3 Báo cáo chuyên đề	P1.3. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	R1.3	W1.3		CLO 2, 3
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R2.2	W2.1	W2 20	CLO 3, 4
	A2.2 Báo cáo chuyên đề	P2.2. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	R1.4	W2.1		CLO 3, 4
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R2.2	W3.1	W3 60	CLO 3, 4
	A3.2. Thực hành/ Thí nghiệm	P3.2. Báo cáo; Hỏi & Đáp	R1.4 R2.3	W3.2		CLO 3, 5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4 tiết /buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT /TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1 - 2	Chương 1. Khái quát chung về Giáo dục học so sánh (GDSS) 1.1. Định nghĩa và quan niệm về GDSS 1.2 Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của GDSS 1.3. Mục đích, ý nghĩa của GDSS 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của GDSS 1.5. Phương pháp nghiên cứu GDSS	4 tiết lý thuyết /2 tiết thảo luận	- Diễn giảng kết hợp với đàm thoại - Thảo luận nhóm	- Làm việc với tài liệu - Thảo luận	A1.1, A1.2 A1.3	CLO 1
3 - 5	Chương 2. Kỹ thuật so sánh giáo dục 2.1. Khái niệm kỹ thuật so sánh giáo	12 tiết lý thuyết /3 tiết	- Diễn giảng kết hợp với đàm thoại	- Làm việc với tài liệu - Quan sát	A1.1, A1.2 A1.3	CLO 2, 4, 5, 6

Tuần/ Buổi (4 tiết /buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT /TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>dục</p> <p>2.2. Các hệ thống phân loại giáo dục tiêu chuẩn hóa</p> <p>2.3. Các chỉ số giáo dục – Công cụ để thực hiện so sánh giáo dục</p> <p>2.4. Trình bày các số liệu giáo dục</p>	bài tập	<p>- Minh họa</p> <p>- Luyện tập</p>	<p>- Luyện tập</p>		
6 - 8	<p>Chương 3. Nghiên cứu so sánh hệ thống giáo dục của các nước trên thế giới</p> <p>3.1. Bối cảnh thế giới và xu thế phát triển giáo dục đầu thế kỷ 21</p> <p>3.2. Các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quá trình phát triển hệ thống giáo dục của các nước</p> <p>3.3. Đặc trưng mô hình hệ thống giáo dục của một số nước</p> <p>3.4. Phân tích, so sánh hệ thống giáo dục một số nước trên thế giới</p>	12 tiết lý thuyết /3 tiết bài tập	<p>- Diễn giảng nêu vấn đề</p> <p>- Luyện tập</p>	<p>- Làm việc với tài liệu</p> <p>- Giải quyết vấn đề</p> <p>- Luyện tập</p>	A1.1, A1.2 A1.3	CLO3, 4, 5, 6

Tuần/ Buổi (4 tiết /buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT /TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
9	Thi GK	2	Thực hành/tự luận/nhóm	Cá nhân/ nhóm	A2.1 A2.2	CLO3, 4
10 - 14	Chương 4. So sánh trình độ phát triển giáo dục của Việt Nam với các nước 4.1 Phân tích, lựa chọn hệ thống các chỉ số và các nước để nghiên cứu so sánh trình độ phát triển giáo dục 4.2. Nghiên cứu so sánh trình độ phát triển giáo dục Việt Nam với các nước	9 tiết lý thuyết /4 tiết bài tập	- Diễn giảng nêu vấn đề - Nghiên cứu trường hợp - Luyện tập	- Làm việc với tài liệu Giải quyết vấn đề - Luyện tập	A1.1, A1.2 A1.3	CLO 3, 4, 7, 8
15	Thi CK		Tiểu luận	Các nhân	A3.1 A3.2	CLO5 CLO6

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Tiến Đạt	2010	<i>Giáo dục so sánh</i>	NXB ĐHQG Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Tiến Đạt	2010	<i>Giáo dục Việt Nam và một số nước: So sánh</i>	Tạp chí Ngày nay số 4/2010

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
			<i>một vài số liệu, tỉ số và chỉ số giáo dục</i>	
3	Nguyễn Tiến Đạt	2010	<i>Các mô hình ưu tiên trong chi phí công cộng của các nước trên thế giới và tình hình ở Tiểu vùng sông Mêkông</i>	Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 55.
4	Gerald W. Fry	2009	<i>Diễn biến phát triển của ngành Giáo dục so sánh: Những thử thách trong việc thực hiện các công trình nghiêm túc về nghiên cứu so sánh và xuyên văn hoá</i>	Đại học Minnesota, Hoa Kỳ
5	Lê Thành Khôi	1971	<i>L'Enseignement en Afrique tropicale</i>	P.U.F.
6	Lê Thành Khôi	1981	<i>L'éducation comparée. Armand Colin éditeur</i>	Paris
7	Bùi Việt Phú (Chủ biên), Nguyễn Văn Đệ, Đặng Bá Lãm	2014	<i>Giáo trình Chiến lược và Chính sách phát triển giáo dục</i>	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Lê Ngọc Trà	2008	<i>Phát triển giáo dục so sánh trong bối cảnh Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập</i>	Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường ĐHSP TP.HCM
9	UNDP	2009	<i>Human Development Report 2009</i>	New York, Oxford/Oxford University Press
10	UNESCO	1974	<i>Annuaire statistique 1973</i>	Paris

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
11	Michael Henry	1973	<i>Methodology in Comparative Education</i>	An Annotated Bibliography, Comparative Education, xvii. 2, 1973
12	Myrdal. G	1997	<i>The American Dilemma</i>	Harper and Row, Revised edition, 1997


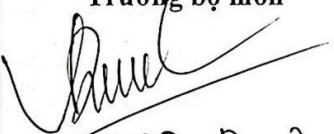

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa  TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Trưởng bộ môn  TS. Nguyễn Hoàng Hải	Giảng viên biên soạn  TS. Nguyễn Hoàng Hải
---	---	---

9. Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA TÂM LÝ-GIÁO DỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Accreditation and evaluation of education quality
1.3	Mã học phần:	32025099
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	20
-	Bài tập/Thảo luận:	10
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Mỹ Dung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần “Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục” cung cấp những vấn đề cơ bản về chất lượng giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho học viên cơ sở lý luận về chất lượng giáo dục, đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có hiểu biết về đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

- **CO2:** Vận dụng được kiến thức, kỹ năng vào hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục hiệu quả.

- **CO3:** Tích cực và tự giác triển khai, tham gia vào hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Nhận biết được các thành tố tạo nên chất lượng giáo dục
CLO2	Trình bày được các loại đánh giá, các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục
CLO3	Trình bày được mục tiêu, đặc trưng, các dạng hoạt động của kiểm định giáo dục ở cơ sở giáo dục.
CLO4	Xây dựng được kế hoạch kiểm định chất lượng đối với cơ sở giáo dục
CLO5	Viết được báo cáo tiêu chí

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2			PLO3			PLO4	PLO6		PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.3	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
CLO 1				R				R					
CLO 2				R				R					
CLO 3				R				R					
CLO 4				R				R					R
CLO 5				R				R					R

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R2.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO1- 4
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

Rubric đánh giá tiểu luận

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1 - 2	- Giới thiệu về học phần. Chương 1. CÁC THÀNH TỐ TẠO NÊN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO 1.1. Khái quát	5/0	- Thuyết trình về nội dung học phần và các thành tố tạo nên chất lượng đào tạo. - Thảo luận	- Lắng nghe, ghi chép về nội dung học phần và các thành tố tạo nên chất lượng đào tạo	A1.1	CLO 1

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>về chất lượng giáo dục</p> <p>1.2. Nội dung và trình độ kiến thức được trang bị</p> <p>1.3. Kỹ năng, kỹ xảo thực hành và khả năng vận dụng của học sinh</p> <p>1.4. Năng lực nhận thức và tư duy của học sinh.</p> <p>1.5. Phẩm chất nhân cách và kỹ năng xã hội của học sinh</p>		<p>nhóm phân tích các thành tố tạo nên chất lượng đào tạo .</p> <p>- Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo.</p>	<p>- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: các thành tố tạo nên chất lượng đào tạo.</p> <p>- Tự học Đọc tài liệu [1], [2].</p>		
3 - 4	<p>Chương 2.</p> <p>ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC</p> <p>2.1. Các loại đánh giá</p> <p>2.2. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục</p>	5/0	<p>- Thuyết trình về đánh giá chất lượng giáo dục</p> <p>- Thảo luận nhóm: Các loại đánh giá, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở;</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép về đánh giá chất lượng giáo dục.</p> <p>- - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Các loại đánh giá, tiêu chuẩn,</p>	A1.1	CLO 2

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.3. Minh chứng đánh giá.		Các minh chứng đánh giá. - Hướng dẫn đọc tài liệu - Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo.	tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở; Các minh chứng đánh giá. - Tự học Đọc tài liệu [1], [2].		
5 - 7	Chương 3. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 3.1. Mục tiêu kiểm định 3.2. Đặc trưng kiểm định 3.3. Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) 3.4. Đánh giá ngoài	10/25	- Thuyết trình về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông. Thảo luận nhóm: Mục tiêu; Đặc trưng; Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) và Đánh giá ngoài. - Hướng dẫn đọc tài liệu	- Lắng nghe, ghi chép về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông. - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Mục tiêu; Đặc trưng; Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) và Đánh giá ngoài. - Tự học Đọc tài liệu [1,3,4,5].	A2.1	CLO 3,4

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
8	Thi GK		Thực hành	Nhóm	A1.1	CLO 1- 4
9 - 14	Chương 3. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 3.1. Mục tiêu kiểm định 3.2. Đặc trưng kiểm định 3.3. Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) 3.4. Đánh giá ngoài	10/25	- Thuyết trình về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông. Thảo luận nhóm: Mục tiêu; Đặc trưng; Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) và Đánh giá ngoài. - Hướng dẫn đọc tài liệu	- Lắng nghe, ghi chép về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông. - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Mục tiêu; Đặc trưng; Đánh giá trong (hoạt động tự đánh giá) và Đánh giá ngoài. - Tự học Đọc tài liệu [1,3,4,5].	A2.1	CLO5
14	Hướng dẫn thực hiện bài tiểu luận cuối khoá		Hướng dẫn học viên thực hiện bài tiểu luận.	Trên cơ sở kiến thức đã học ở môn học, HV làm bài tiểu luận đáp	A2.1	CLO 3,4

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
				ứng yêu cầu nội dung học phần có độ dài từ 20-30 trang.		
15	Thi CK		Tiểu luận		A2.1	CLO 3,4

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Đức Ngọc	2009	Tổng quan về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục	Văn bản kiểm định Bộ GD&ĐT
2	Nguyễn Xuân Thanh	2013	Giáo trình kiểm tra và thanh tra giáo dục	NXB ĐHSP
3	Bộ GD&ĐT	2018	Thông tư 18/2018/TT- BGDĐT Về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn THCS và Trường có nhiều cấp học.	Bộ GD&ĐT
4	Bộ GD&ĐT	2012	Thông tư số 42/2012- BGDĐT ngày 23/11/2012: Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy	Bộ GD&ĐT

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
			trình, chu kì kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên	
5	Bộ GD&ĐT	2013	Công văn số 46/KTKĐCLGD-KĐPT về việc xác định yêu cầu, gọi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học và trường trung học, ngày 15/1/2013.	Bộ GD&ĐT
Sách, giáo trình tham khảo				
6	Bộ GD&ĐT	2012	Thông tư số 42/2012-BGD&ĐT ngày 23/11/2012: Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kì kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên	Bộ GD&ĐT
7	Bộ GD&ĐT	2013	Công văn số 46/KTKĐCLGD-KĐPT về việc xác định yêu cầu, gọi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học và trường trung học, ngày 15/1/2013.	Bộ GD&ĐT

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
8	Bộ GD&ĐT	2018	Thông tư số 17/2018-BGD&ĐT ngày 22/8/2018: Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học	Bộ GD&ĐT
9	Bộ GD&ĐT	2018	Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT Về Kiểm định chất lượng giáo dục và Công nhận trường chuẩn Mầm non	Bộ GD&ĐT

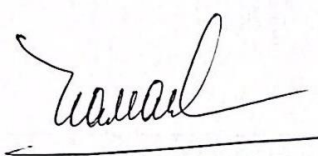
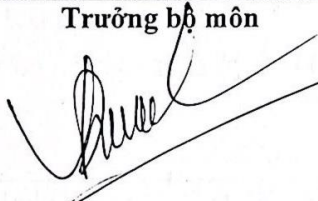

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giáo dục học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	2022
2	Giáo dục học, Khoa học giáo dục	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam (vnies.edu.vn)	2022
3	Khoa học quản lý giáo dục	https://vjol.info.vn/index.php/khqlgd	2022
4	Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	2022
5	Giáo dục học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ
2				

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2022

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
		
TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	TS. Lê Thị Duyên	TS. Lê Mỹ Dung

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu và ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tư vấn và hỗ trợ người học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Counseling and learner support
1.3	Mã học phần:	32025095
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS Bùi Thị Thanh Diệu
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	TS. Lê Thị Duyên
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tư vấn và hỗ trợ người học là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học. Học phần gồm 4 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về tư vấn, hỗ trợ học sinh. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về tư vấn hỗ trợ học sinh. Chương 2 đề cập đến những khó khăn trong môi trường học đường của học sinh, chương 3 trình bày các kỹ năng tư vấn hỗ trợ cơ bản. Chương 4 thực hành phân tích trường hợp cụ thể và xây dựng chuyên đề tư vấn, hỗ trợ cho học sinh. Học phần này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hỗ trợ tâm lý cho học sinh.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng nhận diện được những khó khăn trong học đường của học sinh, có năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh, xây dựng được kế hoạch tư vấn hỗ trợ cho học sinh; đảm bảo các nguyên tắc đạo đức khi tư vấn, hỗ trợ.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có khả năng nhận diện được những khó khăn tâm lý của học sinh.
- CO2: Có năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh.
- CO3: Xây dựng được kế hoạch tư vấn hỗ trợ học sinh.
- CO4: Đảm bảo nguyên tắc đạo đức khi tư vấn, hỗ trợ học sinh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Nhận diện được khó khăn tâm lý của học sinh
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng tư vấn cơ bản vào tình huống thực tế
CLO3	Xây dựng được báo cáo phân tích tư vấn hỗ trợ trường hợp
CLO4	Xây dựng được kế hoạch tư vấn hỗ trợ nhóm học sinh
CLO5	Đảm bảo nguyên tắc đạo đức khi tư vấn, hỗ trợ học sinh

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6		PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PII.1	PII.3	PI3.1	PI3.2			PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
CLO 1	R											
CLO 2			R									
CLO3				R								
CLO4				R								
CLO5											R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4,5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về tư vấn hỗ trợ học sinh 1.1 Khái niệm tư vấn, hỗ trợ 1.2 Nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ của giáo viên 1.3 Chủ thể tư vấn hỗ trợ học sinh 1.4 Nội dung tư vấn, hỗ trợ học sinh 1.5 Hình thức tư vấn, hỗ trợ học sinh 1.6 Nguyên tắc đạo đức khi tư vấn, hỗ trợ học sinh	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 5
2	Chương 2:	3/2	Thuyết	Lắng nghe;	A1.1	CLO1

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	Khó khăn tâm lý của học sinh 2.1 Những khó khăn của học sinh trong học đường 2.2 Phương pháp nhận diện khó khăn của học sinh		trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; thực hành theo nhóm		
3	Chương 3: Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ học sinh 2.1 Kỹ năng thiết lập mối quan hệ 2.2 Kỹ năng lắng nghe	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; thực hành theo nhóm	A1.1	CLO 2,3
4	Chương 3: Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ học sinh 2.3 Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4 Kỹ năng nói lời thấu cảm	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; thực hành theo nhóm	A1.1	CLO 2,3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
5	Kiểm tra giữa kỳ	5	Tổ chức thi giữa kỳ	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2
6	Chương 3: Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ học sinh 2.5 Kỹ năng phản hồi 2.6 Kỹ năng hướng dẫn	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; thực hành theo nhóm	A1.1	CLO 2,3
7	Chương 4: Thực hành tư vấn, hỗ trợ học sinh 4.1 Quy trình phân tích trường hợp trong tư vấn, hỗ trợ học sinh 4.2 Lưu trữ hồ sơ trong tư vấn, hỗ trợ học sinh	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; thực hành theo nhóm	A2.1	CLO 3,5
8	Chương 4: Thực hành tư vấn, hỗ trợ học sinh 4.3 Xây	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thực hành	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của	A2.1	CLO 4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	dựng chuyên đề tư vấn hỗ trợ học sinh			GV; thực hành theo nhóm		
9	Thi kết thúc học phần	5	Thực hành	Tham gia thi kết thúc học phần	A2.1.	CLO 3,4,5

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Nguyễn Thị Trâm Anh, Nguyễn Thị Hằng Phương, Bùi Thị Thanh Diệu	2019	Kỹ năng tham vấn học đường	NXB Đà Nẵng
2	Trần Thị Minh Đức	2014	Giáo trình tham vấn tâm lý	NXB Quốc Gia
3	Phạm Văn Tư	2020	Tham vấn trường học	NXB Giáo dục Việt Nam
	Sách, giáo trình tham khảo			
4	Nguyễn Thơ Sinh	2011	Tư vấn tâm lý căn bản	NXB Trẻ
5	Trịnh Đình Tuấn	2014	Giáo trình tư vấn tâm lý	NXB Thông tin

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phần, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 5 năm 2022

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	TS. Lê Thị Duyên	Bùi Thị Thanh Diệu

11. Phát triển môi trường giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học

Mã số: 814 0101 Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng ứng dụng & nghiên cứu

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phát triển môi trường giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Developing an educational environment
1.3	Mã học phần:	32025094
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	10
-	Bài tập/Thảo luận:	20
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Mỹ Dung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần “Phát triển môi trường giáo dục” cung cấp hệ thống các tri thức về môi trường giáo dục, ảnh hưởng của môi trường giáo dục đến sự hình thành và phát triển nhân cách và phát triển môi trường giáo dục.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về thống kê và đo lường trong giáo dục và kỹ năng xử lý số liệu nghiên cứu bằng cách sử dụng phần mềm SPSS.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Hiểu biết về phát triển môi trường giáo dục và thực trạng môi trường giáo dục hiện nay.

- **CO2:** Vận dụng được kiến thức, kỹ năng nhằm phát triển môi trường giáo dục tại cơ sở giáo dục.

- **CO3:** Có ý thức trách nhiệm trong việc phát triển môi trường giáo dục cho người học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được các yếu tố của môi trường giáo dục, vai trò của môi trường giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của người học.
CLO2	Trình bày được khái niệm, nguyên tắc phát triển môi trường giáo dục
CLO3	Đánh giá được thực trạng môi trường giáo dục ở cơ sở giáo dục
CLO4	Đề xuất được các biện pháp phát triển môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	PLO1		PLO2			PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1		R			R									
CLO 2		R			R									
CLO 3		R			R									
CLO 4		R			R									
CLO 4		R			R									

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4

Chú thích (11):

- Tất cả Thành phần đánh giá, Bài đánh giá, Phương pháp đánh giá, Rubric, Trọng số bài đánh giá, Trọng số thành phần nên được mã hóa và được định nghĩa để hoạt động đánh giá người học được chính xác, tin cậy và công bằng;

- Ghi chú: $W3 = 50\%$ (Trọng số 0.5);

- Khi thực hiện một bài đánh giá cụ thể cho một hoặc một số CĐR cụ thể, cần chú ý:

a) Đảm bảo đã tổ chức hoạt động dạy, học cho kiến thức/kỹ năng tương ứng

b) Bài đánh giá phải có câu hỏi/ thành phần được thiết kế, và ghi rõ phục vụ đánh giá CĐR cụ thể nào

c) Kết quả đánh giá không chỉ dùng để tính điểm GPA mà được dùng để phân tích mức độ đạt được từng CĐR của từng người học và của cả lớp học phần, của học phần (nếu có nhiều lớp được tổ chức dạy song song).

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Rubric đánh giá

Rubric đánh giá tiểu luận

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>- Giới thiệu về học phần.</p> <p>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Văn hóa giáo dục và văn hóa nhà trường</p> <p>1.3. Môi trường văn hóa giáo dục</p> <p>1.4. Môi trường giáo dục</p>	5/0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình về nội dung học phần và một số vấn đề chung về môi trường giáo dục. - Thảo luận nhóm phân tích khái niệm giáo dục, văn hóa, văn hóa giáo dục, văn hóa nhà trường, môi trường văn hóa giáo dục, môi trường giáo dục. - Hướng dẫn đọc tài liệu - Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép về nội dung học phần và những vấn đề chung về môi trường giáo dục. - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: khái niệm giáo dục, văn hóa, văn hóa giáo dục, văn hóa nhà trường, môi trường văn hóa giáo dục, môi trường giáo dục. - Tự học Đọc tài liệu [1, tr6-46], [2, Nội dung 1 và 2], [3, Nội dung 1], 	A1.1	CLO 1
2	Chương 2. MÔI TRƯỜNG	5/0	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình về môi 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, ghi chép về 	A1.1	CLO 2

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 2.1. Các yếu tố của môi trường giáo dục 2.2. Môi trường giáo dục trong xã hội hiện đại 2.3. Nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách của người học.		trường giáo dục và sự phát triển nhân cách - Thảo luận nhóm: Phân tích các yếu tố của môi trường giáo dục; Vai trò của môi trường giáo dục đối với sự phát triển nhân cách người học. - Hướng dẫn đọc tài liệu - Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo.	môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách - - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Phân tích các yếu tố của môi trường giáo dục; Vai trò của môi trường giáo dục đối với sự phát triển nhân cách người học. - Tự học Đọc tài liệu [1, tr46-105], [2, Nội dung 1 và 2],		
3-6	Chương 3. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC 3.1. Thực trạng môi trường giáo dục và sự phát triển môi trường giáo dục tại các	5/15	- Thuyết trình về phát triển môi trường giáo dục - Thảo luận nhóm: Phân tích thực trạng môi	- Lắng nghe, ghi chép về nội dung phát triển môi trường giáo dục. - Làm việc nhóm, thảo luận và báo	A2.1	CLO 3,4

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	cơ sở giáo dục phổ thông 3.2. Phát triển môi trường giáo dục 3.2.1. Nguyên tắc xây dựng và phát triển môi trường giáo dục 3.2.2. Biện pháp xây dựng môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục.		trường giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay; Đề xuất các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục. - Hướng dẫn đọc tài liệu .	cáo về: Phân tích thực trạng môi trường giáo dục ở các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay; Đề xuất các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục trong cơ sở giáo dục. - Tự học Đọc tài liệu [1, tr148-191], [2, Nội dung 2 và 3], [3, Nội dung 3] và tài liệu [4].		
	Hướng dẫn thực hiện bài tiểu luận cuối khoá		Hướng dẫn học viên thực hiện bài tiểu luận.	Trên cơ sở kiến thức đã học ở môn học, HV làm bài tiểu luận đáp ứng yêu cầu nội dung học phần có độ dài từ 20- 30 trang.	R2.1	CLO 3,4

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Phạm Hồng Quang	2006	Môi trường giáo dục	NXB Giáo dục,
2	Bộ GD&ĐT Chương trình ETEP	2021	Tài liệu bồi dưỡng giáo viên- Modul 6 “Xây dựng văn hóa nhà trường”	Bộ GD&ĐT
3	Bộ GD&ĐT Chương trình ETEP	2021	Tài liệu bồi dưỡng giáo viên- Modul 7 “Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực trong nhà trường”	Bộ GD&ĐT
4	Nguyễn Thị Hoàng Yến, Nguyễn Thị Thanh và Phan Trọng Đông,	2022	Xây dựng văn hóa trường học - Môi trường tốt nhất để giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông	Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
5	Bộ GD&ĐT	2020	<u>Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT</u> Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học	Bộ GD&ĐT
6	Bộ GD&ĐT	2020	<u>Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT</u> Ban hành Quy định phòng học bộ môn	Bộ GD&ĐT

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
7	Bộ GD&ĐT		của cơ sở giáo dục phổ thông	
8	Bộ GD&ĐT	2018	<u>Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT</u> quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông	Bộ GD&ĐT
9	Bộ GD&ĐT	2018	<u>Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT</u> quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Bộ GD&ĐT
10	Nguyễn Thanh Bình	2007	Báo cáo thực trạng ban đầu về mức độ thân thiện của trường THCS	Bộ GD&ĐT
11	Đinh Hương Ly	2017	Thực trạng xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ở một số trường mầm non	Tạp chí Giáo dục, tháng 8
12	Lê Gia Thanh	2013	Cần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động trong xây dựng môi trường giáo dục hiện nay	Tạp chí Giáo dục, tháng 11
13	Vũ Thị Sơn	2004	Môi trường học tập trong lớp học	Tạp chí Giáo dục, số 102/2004.
14	Viện Nghiên cứu Sư phạm	2007	Kỷ yếu Hội thảo “Xây dựng văn hóa học đường- giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường”	ĐHSPHN

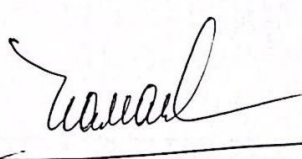


8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Giáo dục học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	2022
2	Giáo dục học, Khoa học giáo dục	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam (vnies.edu.vn)	2022
3	Khoa học quản lý giáo dục	https://vjol.info.vn/index.php/khqlgd	2022
4	Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	2022
5	Giáo dục học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	2022
6	Môi trường giáo dục hiện đại	https://www.emasi.edu.vn/tin-tuc/nam-diem-dac-biet-cua-moi-truong-giao-duc-hien-dai-emasi/	V. 2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ
2				

Đà Nẵng, ngày tháng 5 năm 2022

<p>Trưởng khoa</p>  <p>TS. Nguyễn Thị Trâm Anh</p>	<p>Trưởng bộ môn</p>  <p>TS. Lê Thị Duyên</p>	<p>Giảng viên biên soạn</p>  <p>TS. Lê Mỹ Dung</p>
---	---	---

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng nghiên cứu

Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Luận văn tốt nghiệp
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Graduation thesis
1.3	Mã học phần:	322155049
1.4	Số tín chỉ:	15
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0
-	Thực tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	15
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	GV Tổ Toán và PPGD
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tổ Toán và PPGD
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	0
-	Học phần học trước:	Các Chuyên đề nghiên cứu
-	Học phần song hành:	0
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Luận văn tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn quản lý, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành Giáo dục học Tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn quản lý, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Ứng dụng được các hoạt động giáo dục và dạy học hiện đại, tiên tiến trong đổi mới chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp.
- **CO2:** Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo trong hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.
- **CO3:** Có đạo đức nhà giáo, liêm chính khoa học, tư duy sáng tạo; có tinh thần tự chủ, trách nhiệm, và khả năng tạo động lực, truyền cảm hứng cho người học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ
CLO1	Vận dụng được Khoa học liên ngành, khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề trong đề tài nghiên cứu	PI1.1 PI1.2	M
CLO2	Triển khai được các kết quả phát triển giáo dục địa phương, nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh ở trường tiểu học	PI4.2	R
CLO3	Phát hiện được những thực trạng trong hoạt động giáo dục và dạy học cần cải tiến ở trường tiểu học	PI5.1	M,A

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ
CLO4	Ứng dụng được các kết quả nghiên cứu về thực trạng để đề xuất các tác động sư phạm trong giáo dục và dạy học ở trường tiểu học	PI5.2 PI5.3	M,A
CLO5	Ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ để tổng quan và xây dựng cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu.	PI6.1 PI6.2	M
CLO6	Thể hiện được mức độ tự chủ, sáng tạo, tạo động lực trong báo cáo, truyền đạt thông tin, hướng dẫn đồng nghiệp.	PI7.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	M								
CLO2						R			
CLO3							M,A		
CLO4							M,A		
CLO5								M	
CLO6									R

Chú thích:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO

này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc tham chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá luận văn

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá luận văn

Kết quả thực hiện luận văn của học viên được đánh giá bằng phiếu điểm của các thành viên HĐ đánh giá luận văn dựa trên các tiêu chí trong Rubric 2.1.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Báo cáo đề cương luận văn	Nhận xét	R1.4	W1.1	W1	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6
A2. Đánh giá luận văn tốt nghiệp	A2.1 Báo cáo toàn văn luận văn	P2.1 Báo cáo luận văn cá nhân	R2.1	W2.1 100	W2 100	CLO3 CLO4

6.2. Rubric đánh giá luận văn (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4-5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1 tháng	Xác định vấn đề nghiên cứu Viết đề cương	0/15	Tự học	Cá nhân tự nghiên cứu phát	A1.1	CLO 1, 2, 5, 6

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học phần liên
	nghiên cứu cho đề án tốt nghịệp			hiện vấn đề nghiên cứ		
Tháng 2- Tháng 4	Thực hiện đề án	95	Tự học	Cá nhân		CLO1,2,5,6
Tháng 5	Nộp toàn văn luận văn Bảo vệ luận văn tốt nghiệp	20	Luận văn	Các nhân	A2.1	CLO3 CLO4

8. Tài liệu học tập

8.1.Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Khoa Giáo dục Tiểu học	2017	Bài giảng Lí luận và PPDH toán tiểu học nâng cao	Trường ĐHSP - ĐHQĐN
2		2022	Bài giảng Lí luận và PPDH tiếng Việt tiểu học nâng cao	
3		2022	Bài giảng Lí luận và PPDH các môn TN-XH tiểu học nâng cao	
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Đỗ Đức Thái (cb), và cộng sự	2018	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	NXB ĐHSP

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
3	Hoàng Nam Hải (cb) Trần Vui, Chu Trọng Thanh	2014	Đào tạo nâng cao năng lực suy luận thống kê	NXB Sự thật
4	Nguyễn Bá Kim, Vũ Dương Thụy	1997	Những xu hướng dạy học không truyền thống	NXB GD
5	Trần Vui	2004	Những xu hướng mới trong dạy học toán	NXB ĐHSP Huế
6	Charlotte Danieson & Thomas L. McGreal	2000	Chương trình dạy học cho tương lai của Intel ở Việt Nam, Institute of Computer Technology, CA, USA.	USA
7	Sue Johnston-Wilder, Peter Johnston-Wilder, David Pimm and John Westwell	1999	Learning to teach mathematics in the secondary school	By Routledge 11 New Fetter Lane, London EC4P 4EE

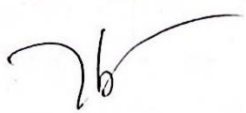
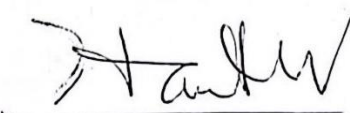

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Mô đun 2	taphuan.cSDL.edu.vn	2020
2	Sách giáo khoa toán lớp 1, 2, 3	hanhtrangso.nxbg.vn	2020
3	CSDL Science direct	https://www.sciencedirect.com/	27/4/2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Máy chiếu	01	Bài giảng

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 5 năm 2022

<p>ℓ. Trưởng khoa</p> 	<p>Trưởng bộ môn</p>  <p>TS. Hoàng Nam Hải</p>	<p>Giảng viên biên soạn</p>  <p>TS. Hoàng Nam Hải</p>
---	--	--

3.7.2. Đề cương các học phần dành riêng cho định hướng ứng dụng

1. Thực tập

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng ứng dụng

Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thực tập
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Practical
1.3	Mã học phần:	32265043
1.4	Số tín chỉ:	6
1.5	Phân bố thời gian:	90
-	Lý thuyết:	0
-	Thực tập/Thảo luận:	180
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	180
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	Tổ Toán và PPGD
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Toán và PPGD
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	Các học phần Lí luận và PPDH Toán/TV/TN-XH tiểu học nâng cao
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần tạo cơ hội cho học viên phát hiện thực trạng trong thực tiễn giáo dục và dạy học; triển khai thử nghiệm và đánh giá việc sử dụng các PP&KT dạy học hiện đại, tiên tiến; chủ trì các hoạt động học thuật, sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp; triển khai chương trình giáo dục địa phương, nhà trường; ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học; thể hiện tác phong, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần Thực tập trong đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (GD Tiểu học) nhằm mục tiêu giúp học viên thử nghiệm và đánh giá những kiến thức, và phương pháp dạy học hiện đại, nâng cao vận dụng vào dạy học ở trường tiểu học. Trên cơ sở đó nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và nghiên cứu khoa học giáo dục, có khả năng sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, đề xuất hướng cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Triển khai được các hoạt động giáo dục và dạy học hiện đại, tiên tiến; đổi mới sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp.
- **CO2:** Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo trong hoạt động giáo dục, dạy học ở trường tiểu học.
- **CO3:** Có đạo đức nhà giáo, có tinh thần tự chủ, trách nhiệm, và khả năng tạo động lực, truyền cảm hứng cho người học..

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ
CLO1	Triển khai sử dụng và lựa chọn các PP&KTDH chuyên sâu, tiên tiến trong dạy học và xây dựng KHBD phát triển PC, NL học sinh	PI2.1	M
CLO2	Triển khai các hình thức và PP tiên tiến, hiện đại trong tổ chức giáo dục và dạy học phát triển PC, NL học sinh tiểu học	PI2.2	M
CLO3	Triển khai các hoạt động học thuật, sinh hoạt chuyên môn, xây dựng cộng đồng, hỗ trợ đồng nghiệp trong các cơ sở giáo dục	PI2.3	M,A

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ
CLO4	Chủ trì được các hoạt động đổi mới chuyên môn trong dạy học ở trường tiểu học.	PI3.1 PI3.2 PI3.3	M
CLO5	Triển khai được chương trình giáo dục địa phương, nhà trường theo hướng phát triển PC, NL học sinh	PI4.2 PI4.3	M
CLO6	Phát hiện được những thực trạng trong hoạt động giáo dục và dạy học cần cải tiến ở trường tiểu học	PI5.1	R
CLO7	Ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học; sử dụng ngoại ngữ để nghiên cứu vận dụng những PP và KTDH tiên tiến trên thế giới vào thực tiễn dạy học phát triển PC, NL học sinh Việt Nam	PI6.1 PI6.2	M
CLO8	Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong thực tập ở các cơ sở giáo dục	PI7.1	M
CLO9	Thể hiện mức độ tự chủ, sáng tạo, tạo động lực trong báo cáo, truyền đạt thông tin, hướng dẫn đồng nghiệp.	PI7.2	M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	M								
CLO2			M						
CLO3			M						
CLO4				M	M				
CLO5						M			
CLO6							R		
CLO7								M	
CLO8									M
CLO9									M,A

Chú thích:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.
- *A (Assessed)* – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần**6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần**

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá QT	A1.1 Báo cáo thực tập	P1.1. Báo cáo thực tập	R1.1	W1.1 100	W1 40	CLO1 – CLO8
A2. Đánh giá thực tập	A2.1 Báo cáo thực tập	P2.1 Báo cáo cá nhân		W2.1 100	W2 60	CLO9

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia 100% thời gian thực tập tại cơ sở thực tập;
- Thực hiện các các hoạt động theo yêu cầu của đơn vị thực tập
- Khảo sát thực trạng, áp dụng các kết quả mới, kiến thức mới và đánh giá tính hiệu quả của nó;
- Báo cáo thực tập trước HĐ đánh giá thực tập của Khoa chuyên ngành..

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4-5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1 - 4	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai vận dụng vào thực tiễn các kiến thức khoa học liên ngành chuyên sâu trong thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy toán theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. - Triển khai vận dụng việc lựa chọn các PP dạy học toán hiệu quả trong thực tiễn dạy học toán phát triển PC, NL người học. - Thiết kế được các công cụ kiểm tra đánh giá người học trong các cơ sở giáo dục; trên cơ sở đó cải tiến hoạt động giáo dục và dạy học toán 	0/30	Hướng dẫn	Thực hành Thử nghiệm	A1.1, A1.2	CLO 1, 2, 3
5	Thực hành tổ chức các hoạt	0/30	Hướng dẫn	Thực	A1.1,	CLO 1-8

Tuần/ Buổi (4-5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
- 6	động đổi mới trong thực tiễn giáo dục và dạy học toán ở các cơ sở giáo dục			hành	A1.2	
7 - 9	Đánh giá công tác quản lí các hoạt động giáo dục, dạy học toán và bồi dưỡng người học có năng khiếu toán học trong thực tiễn giáo dục	0/30	Hướng dẫn	Báo cáo thực tế	A1.1, A1.2	CLO 6
10 - 15	Ứng dụng được công nghệ số để tổ chức dạy học trực tuyến, khoá học kết hợp trong thực tiễn dạy học	0/30	Hướng dẫn	Báo cáo thực tế		CLO7
11 - 12	Thể hiện được mức độ tự chủ, lời cuốn trong truyền đạt tri thức, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp trong quá trình thực tập trong các cơ sở giáo dục.	0/30		Báo cáo nhóm Độc tài liệu [2], [3]	A1.1 A1.2	CLO 8
13	Đánh giá thực tập		Vấn đáp	Cá nhân báo cáo	A3.1	CLO3,5

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Hoàng Nam Hải	2017	Giáo trình Phương pháp dạy học toán tiểu học	Trường ĐHSP - ĐHĐN
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đỗ Đức Thái (cb), và cộng sự	2018	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	NXB ĐHSP
3	Hoàng Nam Hải (cb) Trần Vui, Chu Trọng Thanh	2014	Đào tạo nâng cao năng lực suy luận thống kê	NXB Sự thật
4	Nguyễn Bá Kim, Vũ Dương Thụy	1997	Những xu hướng dạy học không truyền thống	NXB GD
5	Trần Vui	2004	Những xu hướng mới trong dạy học toán	NXB ĐHSP Huế
6	Charlotte Danieson & Thomas L. McGreal	2000	Chương trình dạy học cho tương lai của Intel ở Việt Nam, Institute of Computer Technology, CA, USA.	USA
7	Sue Johnston-Wilder, Peter Johnston-Wilder, David Pimm and John Westwell	1999	Learning to teach mathematics in the secondary school	By Routledge 11 New Fetter Lane, London EC4P 4EE




8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Mô đun 2	taphuan.csdn.edu.vn	2020
2	Sách giáo khoa toán lớp 1, 2, 3	hanhtrangso.nxbg.vn	2020
3	CSDL Science direct	https://www.sciencedirect.com/	27/4/2022

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Máy chiếu	01	Bài giảng

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa 	Trưởng bộ môn  TS. Hoàng Nam Hải	Giảng viên biên soạn  TS. Hoàng Nam Hải
---	--	--

2. Đồ án tốt nghiệp

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ Ngành: Giáo dục học Mã số: 814 0101

Chuyên ngành: Giáo dục học Tiểu học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Định hướng ứng dụng

Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Đồ án tốt nghiệp
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Graduation Project
1.3	Mã học phần:	32295044
1.4	Số tín chỉ:	9
1.5	Phân bố thời gian:	90
-	Lý thuyết:	0
-	Thực tập/Thảo luận:	180
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	180
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Nam Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	Khoa GD Tiểu học
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Khoa GD Tiểu học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	0
-	Học phần học trước:	Các học phần Lí luận và PPDH Toán/TV/TN-XH tiểu học nâng cao; Thực tập
-	Học phần song hành:	0
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Đồ án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học quan trọng của học viên nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành giáo dục học tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn quản lý, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Vận dụng tổng hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, tiên tiến đã tiếp thu được trong lĩnh vực chuyên ngành giáo dục học tiểu học để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn quản lý, giáo dục và dạy học ở các cơ sở giáo dục cấp Tiểu học..

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Ứng dụng được các hoạt động giáo dục và dạy học hiện đại, tiên tiến trong đổi mới chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp.

- **CO2:** Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo trong hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học ở trường tiểu học.

- **CO3:** Có đạo đức nhà giáo, liêm chính khoa học, tư duy sáng tạo; có tinh thần tự chủ, trách nhiệm, và khả năng tạo động lực, truyền cảm hứng cho người học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ
CLO1	Vận dụng được Khoa học liên ngành, khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề trong đồ án tốt nghiệp	PI1.1 PI1.2	M
CLO2	Phân tích được chương trình môn học trong thực hiện đồ án tốt nghiệp	PI4.1	R
CLO3	Phát hiện được những thực trạng trong hoạt động giáo dục và dạy học cần cải tiến ở trường tiểu học	PI5.1	M,A
CLO4	Ứng dụng được các kết quả nghiên cứu về thực trạng để đề xuất các tác động sư phạm trong giáo dục và dạy học ở trường tiểu học	PI5.2 PI5.3	M,A
CLO5	Thể hiện được mức độ tự chủ, sáng tạo, tạo động lực trong báo cáo, truyền đạt thông tin, hướng dẫn đồng nghiệp.	PI7.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
CLO1	M								
CLO2						R			
CLO3							M,A		
CLO4							M,A		
CLO5									R

Chú thích:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 - R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

- M (Mastery) – CLO hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO/PI. Nếu người học hoàn thành tốt CLO này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (PI) của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.

- A (Assessed) – CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Báo cáo đề cương đồ án	P1.1. Báo cáo đề cương		W1.1	W1	CLO1 CLO2 CLO5
A2. Đánh giá đồ án tốt nghiệp	A2.1 Báo cáo toàn văn đồ án	P2.1 Báo cáo đồ án cá nhân		W2.1 100	W2 100	CLO3 CLO4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

6.3. Đánh giá học phần (Xem phụ lục)

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4-5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1 tháng	Xác định vấn đề nghiên cứu Viết đề cương nghiên cứu cho đồ án tốt nghiệp	0/15	Tự học	Cá nhân	A1.1, A1.2	CLO 1, 2, 5
Tháng 2- Tháng 4	Thực hiện đồ án	100	Tự học	Cá nhân		CLO1,2,5
Tháng 5	Nộp toàn văn đồ án Bảo vệ đồ án tốt nghiệp	30	Tiểu luận/Tự luận	Các nhân	A3.1	CLO3 CLO4

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Khoa Giáo dục Tiểu học	2017	Bài giảng Lí luận và PPDH toán tiểu học nâng cao	Trường ĐHSP - ĐHQĐHN
2		2022	Bài giảng Lí luận và PPDH tiếng Việt tiểu học nâng cao	
3		2022	Bài giảng Lí luận và PPDH các môn TN-XH tiểu học nâng cao	
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đỗ Đức Thái (cb), và cộng sự	2018	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	NXB ĐHSP
3	Hoàng Nam Hải (cb) Trần Vui, Chu Trọng Thanh	2014	Đào tạo nâng cao năng lực suy luận thống kê	NXB Sự thật
4	Nguyễn Bá Kim, Vũ Dương Thụy	1997	Những xu hướng dạy học không truyền thống	NXB GD
5	Trần Vui	2004	Những xu hướng mới trong dạy học toán	NXB ĐHSP Huế
6	Charlotte Danieson & Thomas L. McGreal	2000	Chương trình dạy học cho tương lai của Intel ở Việt Nam, Institute of Computer Technology, CA, USA.	USA
7	Sue Johnston-Wilder, Peter Johnston-Wilder, David Pimm and John Westwell	1999	Learning to teach mathematics in the secondary school	By Routledge 11 New Fetter Lane, London EC4P 4EE



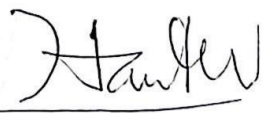
8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Mô đun 2	taphuan.csdl.edu.vn	2020
2	Sách giáo khoa toán lớp 1, 2, 3	hanhtrangso.nxbg.vn	2020
3	CSDL Science direct	https://www.sciencedirect.com/	27/4/2022
4			
5			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Máy chiếu	01	Bài giảng
2				

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa 	Trưởng bộ môn  TS. Hoàng Nam Hải	Giảng viên biên soạn  TS. Hoàng Nam Hải
---	--	--